

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Nguyễn Thị Hằng**
Giảng viên hướng dẫn: **Ths. Trần Thị Thanh Phương**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BỈM SƠN**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hằng

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2011

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hằng

Mã SV: 110151

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Khái quát hóa những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn.
 - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu năm 2010 của Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

LỜI MỞ ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của kế toán gắn liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất xã hội. Nền sản xuất ngày càng phát triển, kế toán ngày càng khẳng định được vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý tài chính chung của nhà nước và doanh nghiệp. Trong những năm qua nhờ có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về cơ chế quản lý kinh tế cũng như đường lối chính sách kinh tế xã hội, hệ thống kế toán Việt Nam đã có những đổi mới, ngày một hoàn thiện và phát triển.

Trong cơ chế thị trường, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì thế, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là phần hành cơ bản của công tác hạch toán kế toán đã khẳng định được vai trò của mình.

Xuất phát từ lý luận và thực tiễn đặt ra cho kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nên trong thời gian thực tập tại công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn em đã đi sâu nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn”**.

Nội dung của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

 Khái niệm:

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

 Phân loại doanh thu:

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả

góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ ***Chiết khấu thương mại:***

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.
- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \frac{\text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{hóa, dịch vụ bán ra}} - \frac{\text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{dịch vụ bán ra}}$$

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

Khái niệm:

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi

nhuận.

Phân loại chi phí

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

▪ **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

▪ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

▪ **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

▪ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

▪ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

 **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

 Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
---------------------------------------	---	---	---	------------------	---	------------------	---	--------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

+ *Kết quả hoạt động tài chính*

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí tài} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\begin{array}{ccccc} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Thu nhập khác} & - & \text{Chi phí khác} \\ \text{động khác} & = & & & \end{array}$$

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài

chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Đề phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

** Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

** Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì

doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

- + **Bán buôn**: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- + **Bán lẻ**: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản

xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

 Tài khoản sử dụng:

❖ **TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

- ✓ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 5 tài khoản cấp 2:
 - *Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá*
 - *Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm*
 - *Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
 - *Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá*
 - *Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư*
- ✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - K/C doanh thu thuần vào TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ**❖ TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":**

- ✓ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:
 - *Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá*
 - *Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm*
 - *Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*
- ✓ Kết cấu của TK 512

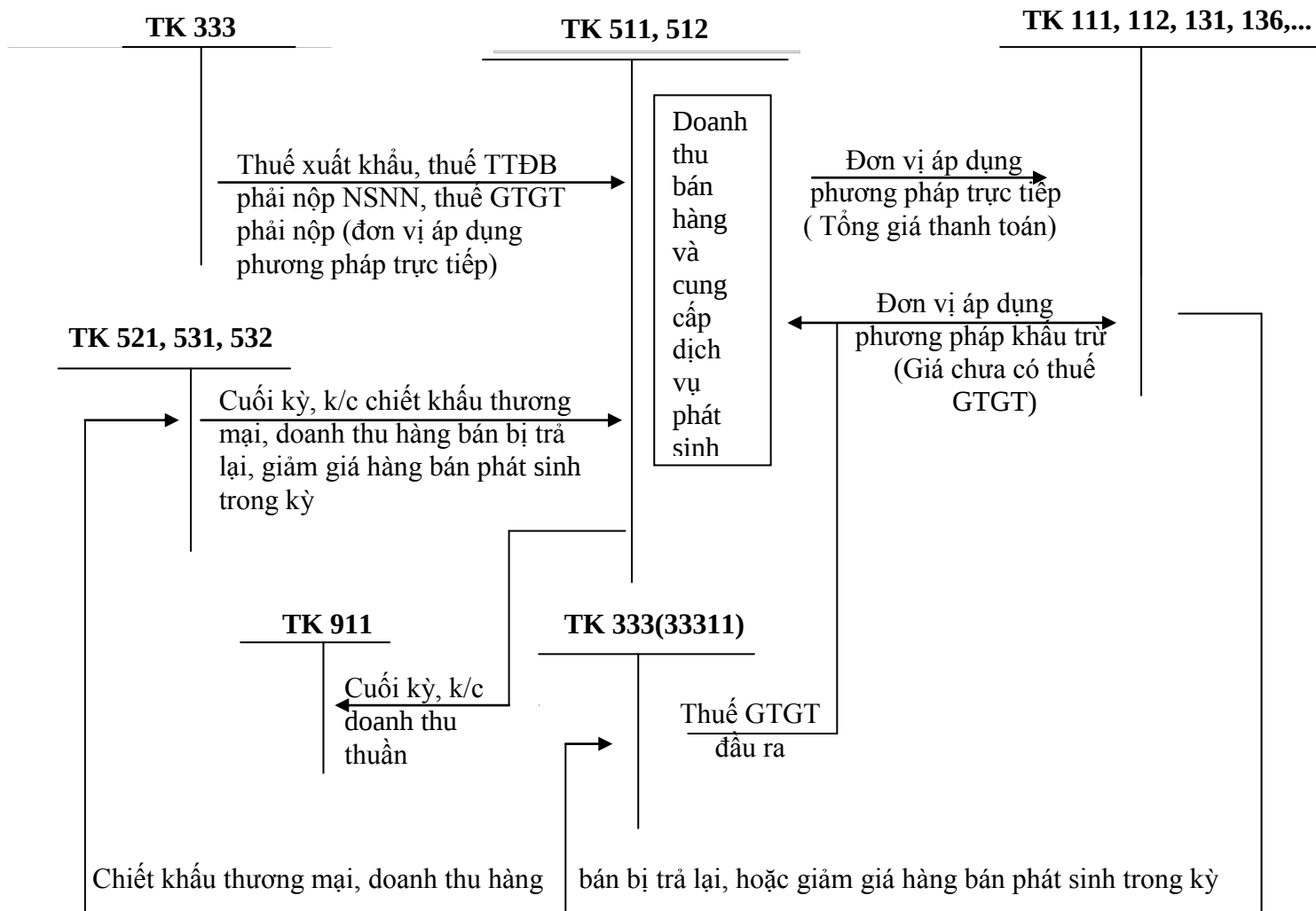
Nợ	TK 512	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng SP, HH, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 512 không có số dư cuối kỳ

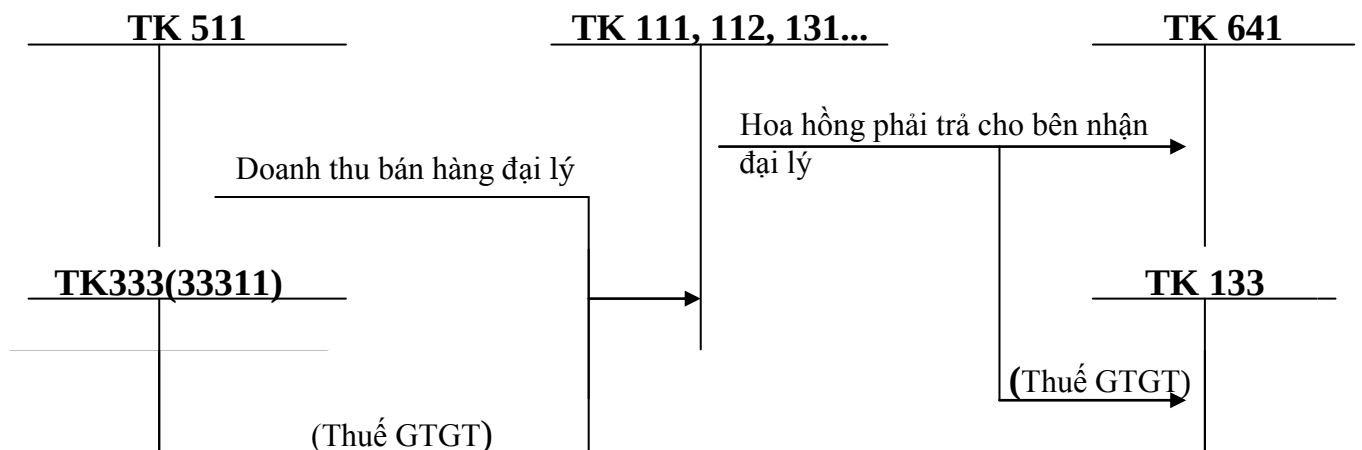


Phương pháp hạch toán:

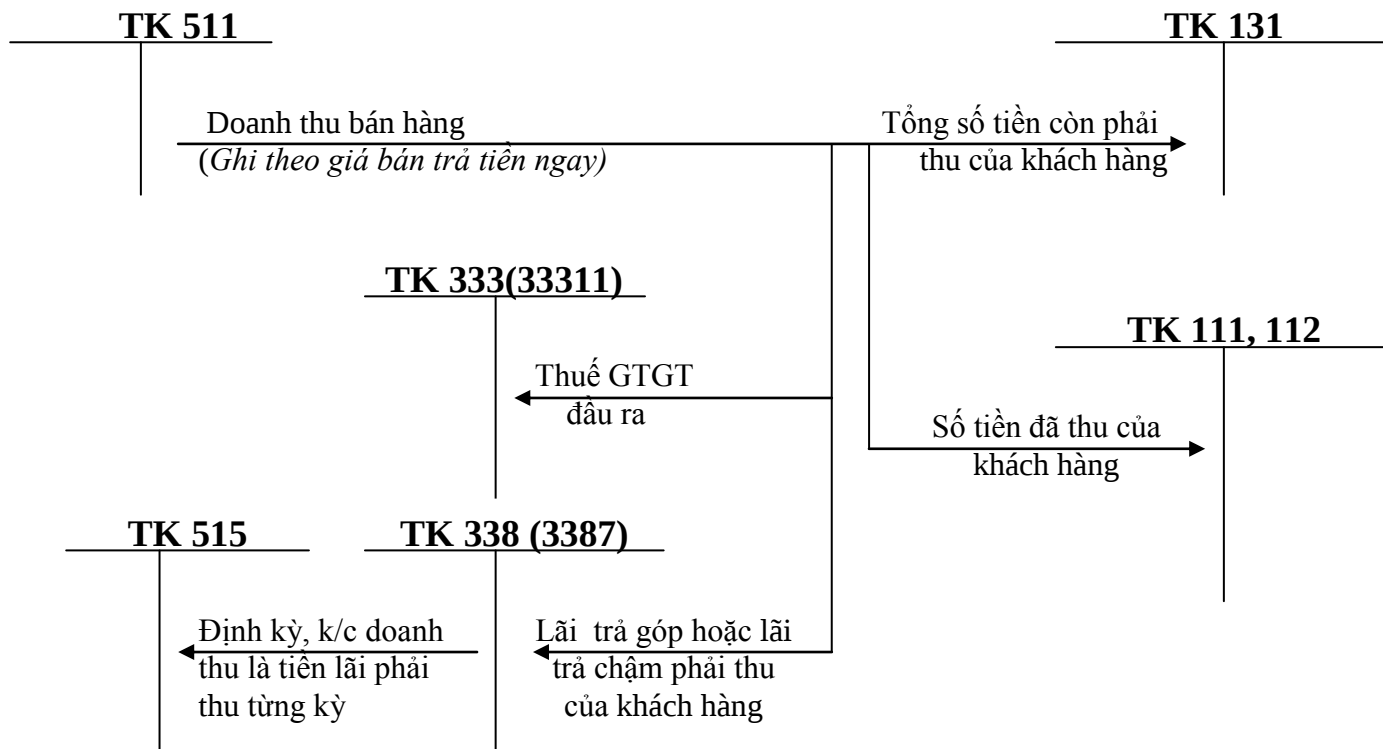
Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



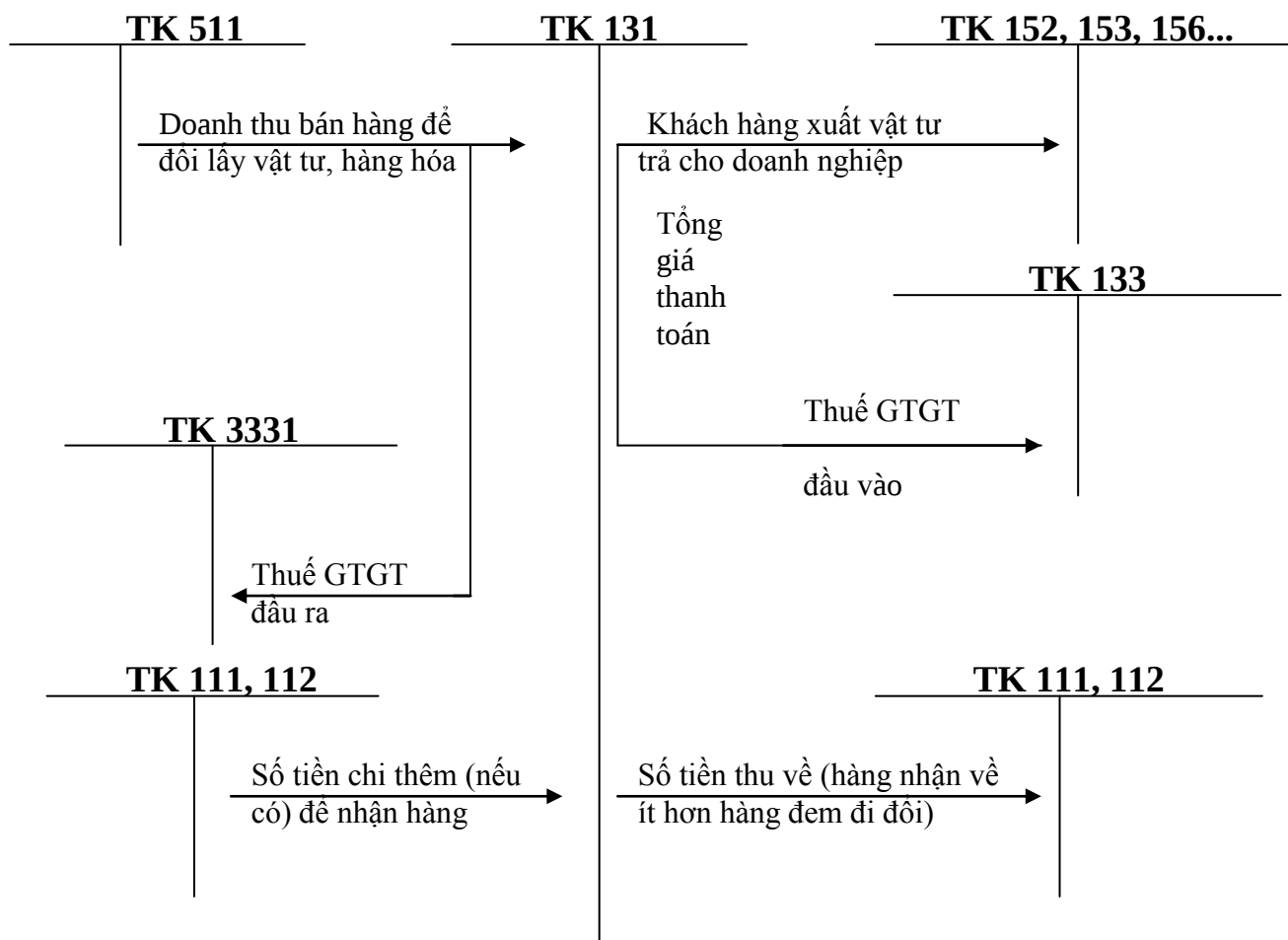
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

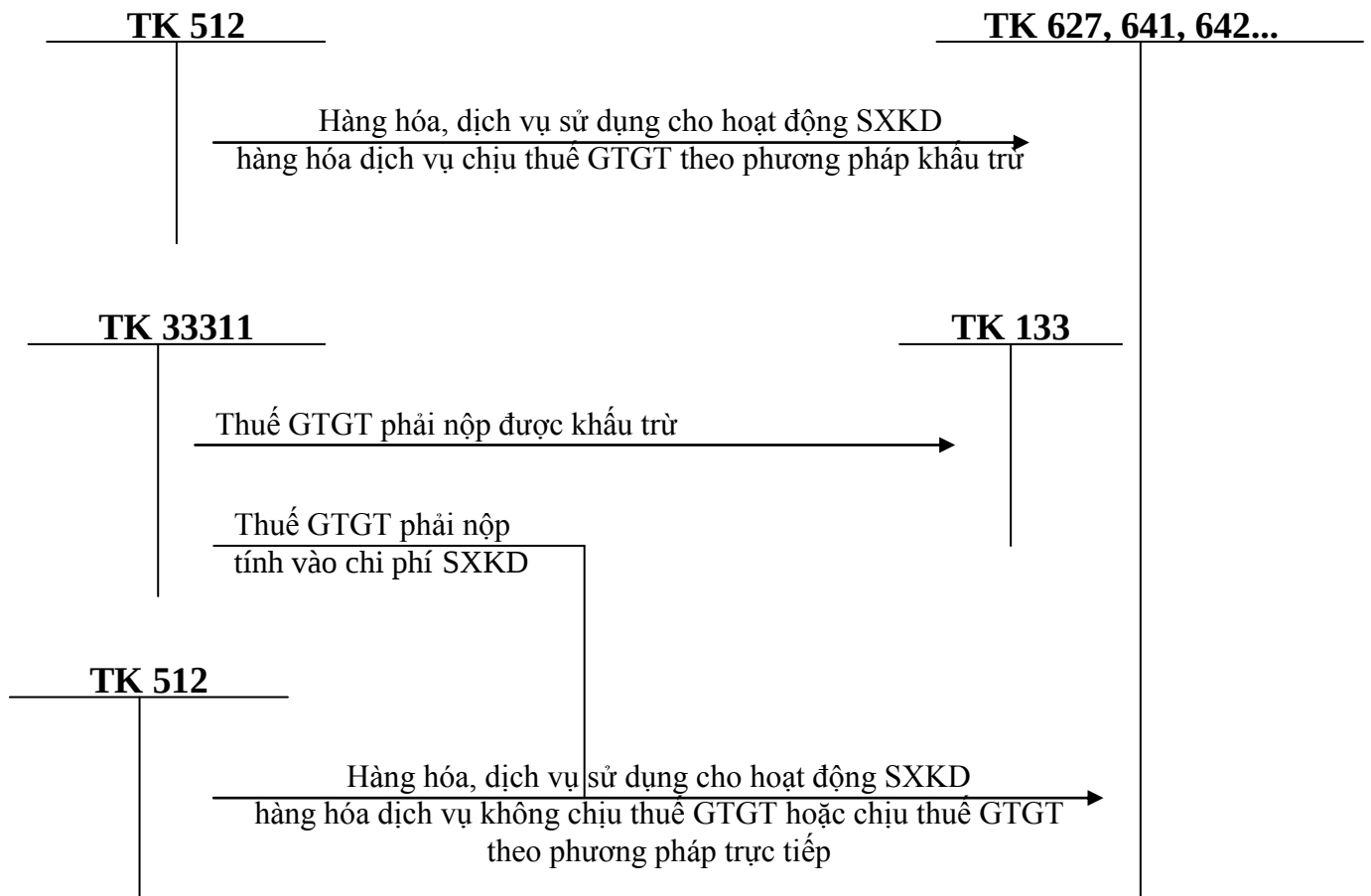


Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5 : Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ

1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính***Chứng từ sử dụng:***

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

***Tài khoản sử dụng*****TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

➤ Kết cấu của TK 515:

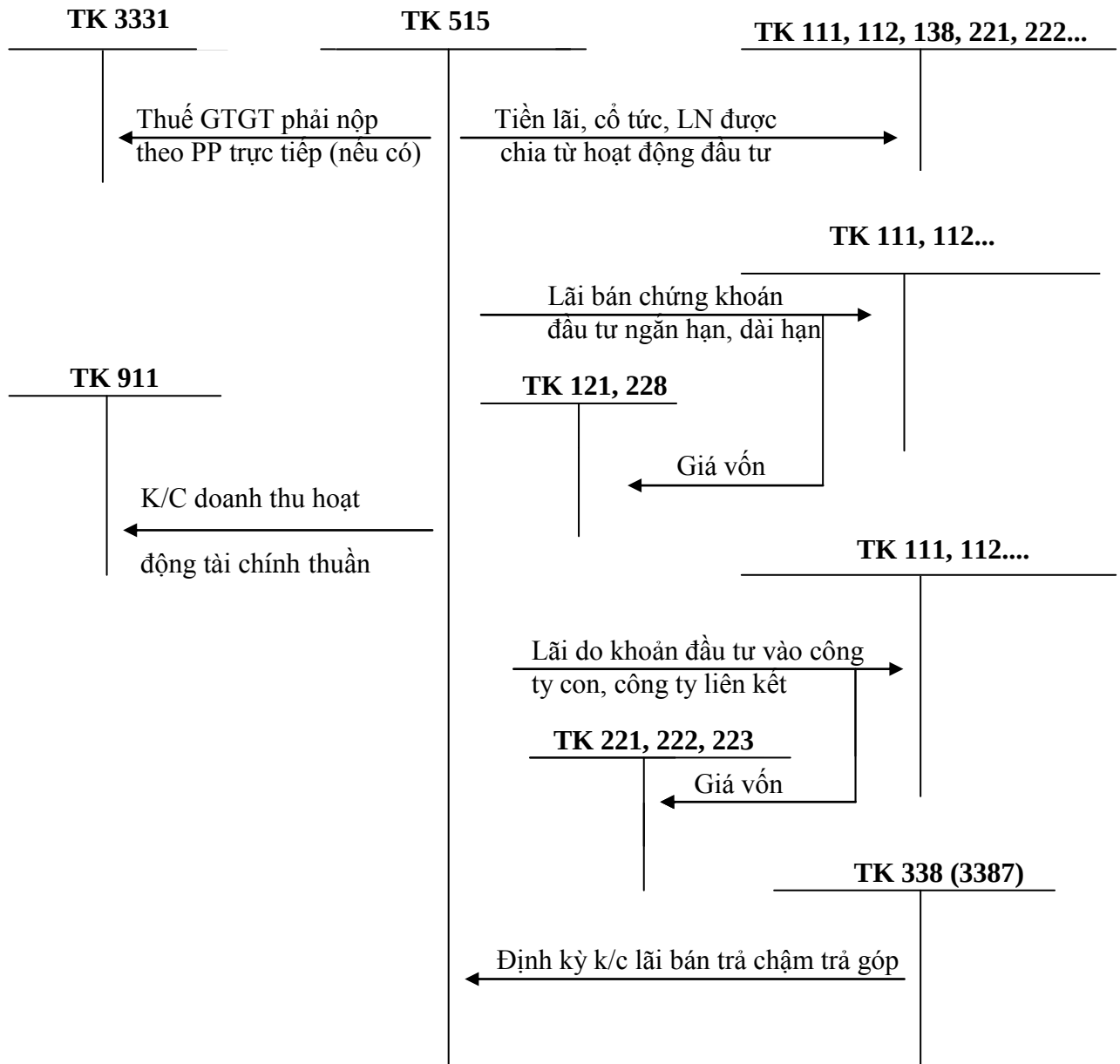
Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1. 6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

 Tài khoản sử dụng:**TK 711 " Thu nhập khác"**

✓ Kết cấu của TK 711:

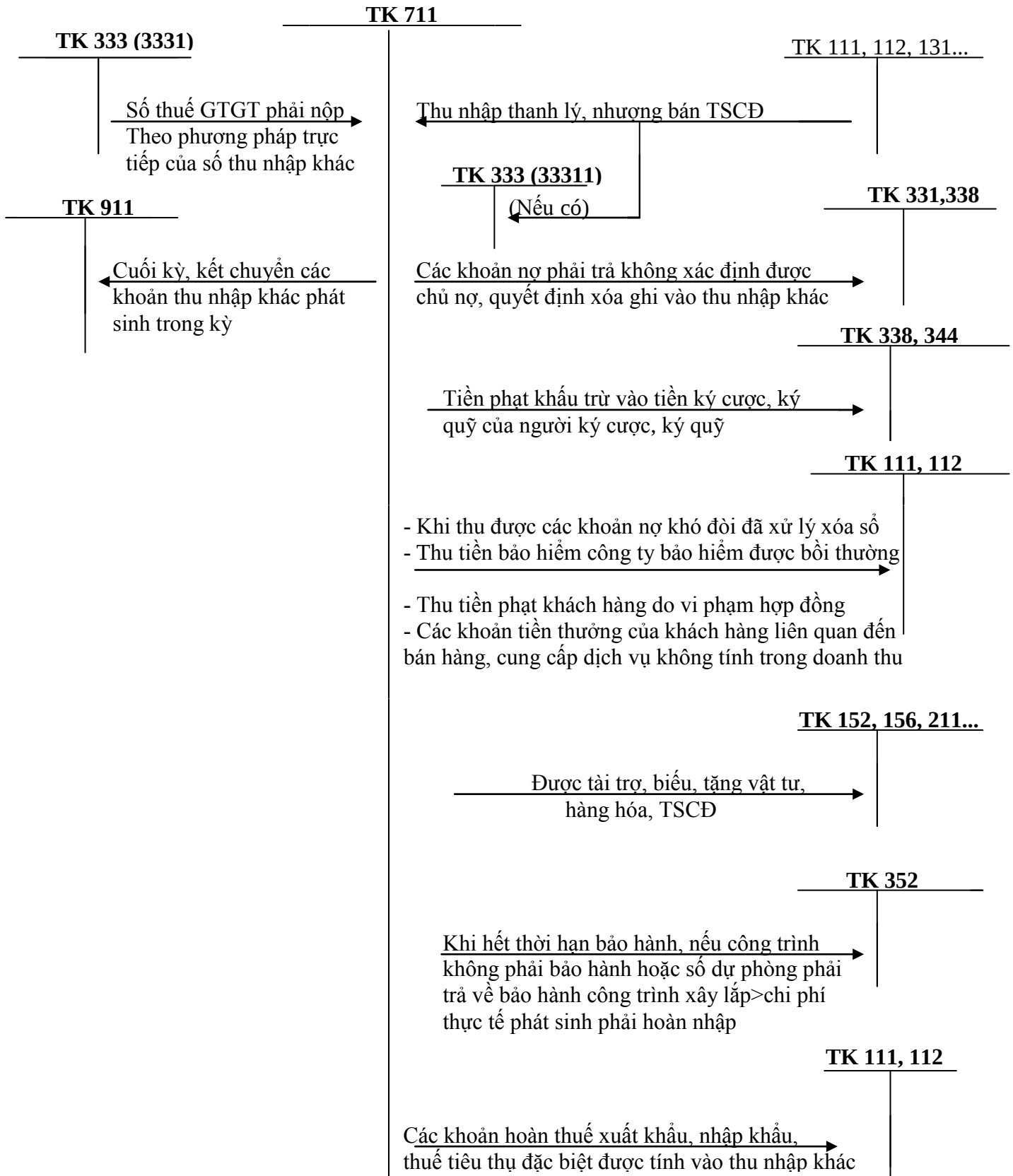
Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ



Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

 Tài khoản sử dụng:**➤ Tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại"**

- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ
- Kết cấu của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ TK 531 "Hàng bán bị trả lại"

- Kết cấu của TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.		- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

✓ Kết cấu của TK 532

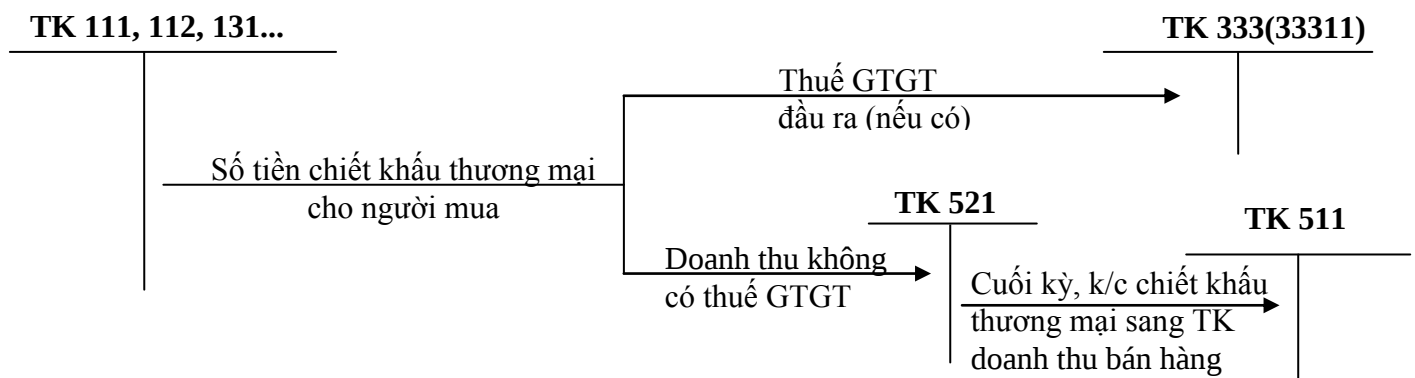
Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

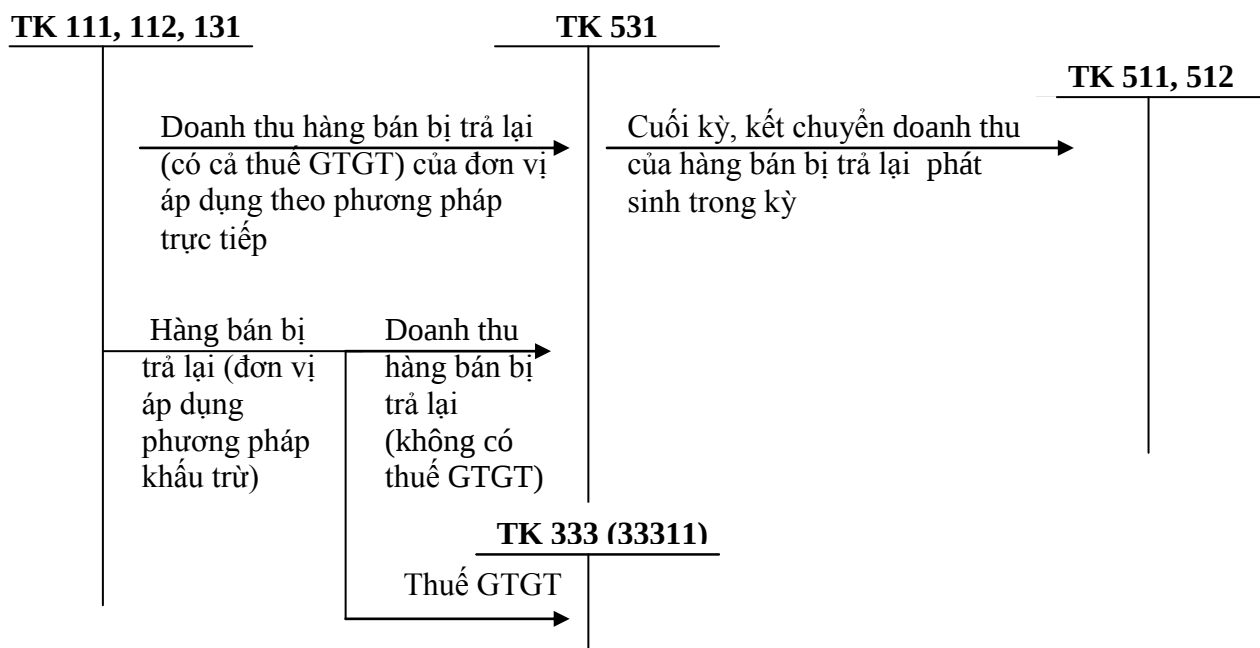


Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

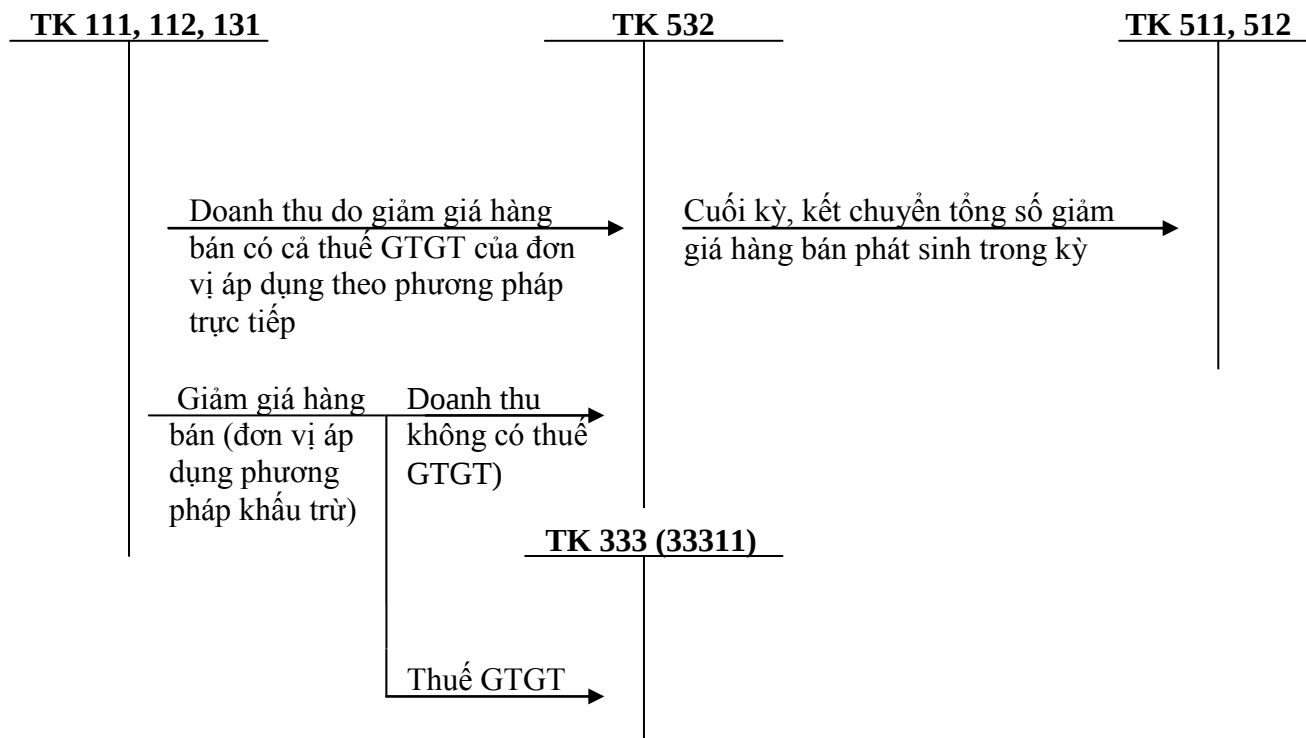
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

❖ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phân hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

TK 632 " Giá vốn hàng bán "

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu nội dung TK 632:

Nợ	TK 632	Có
- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh: + Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ; + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ; + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; + Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. - Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư: + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh; - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

② Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

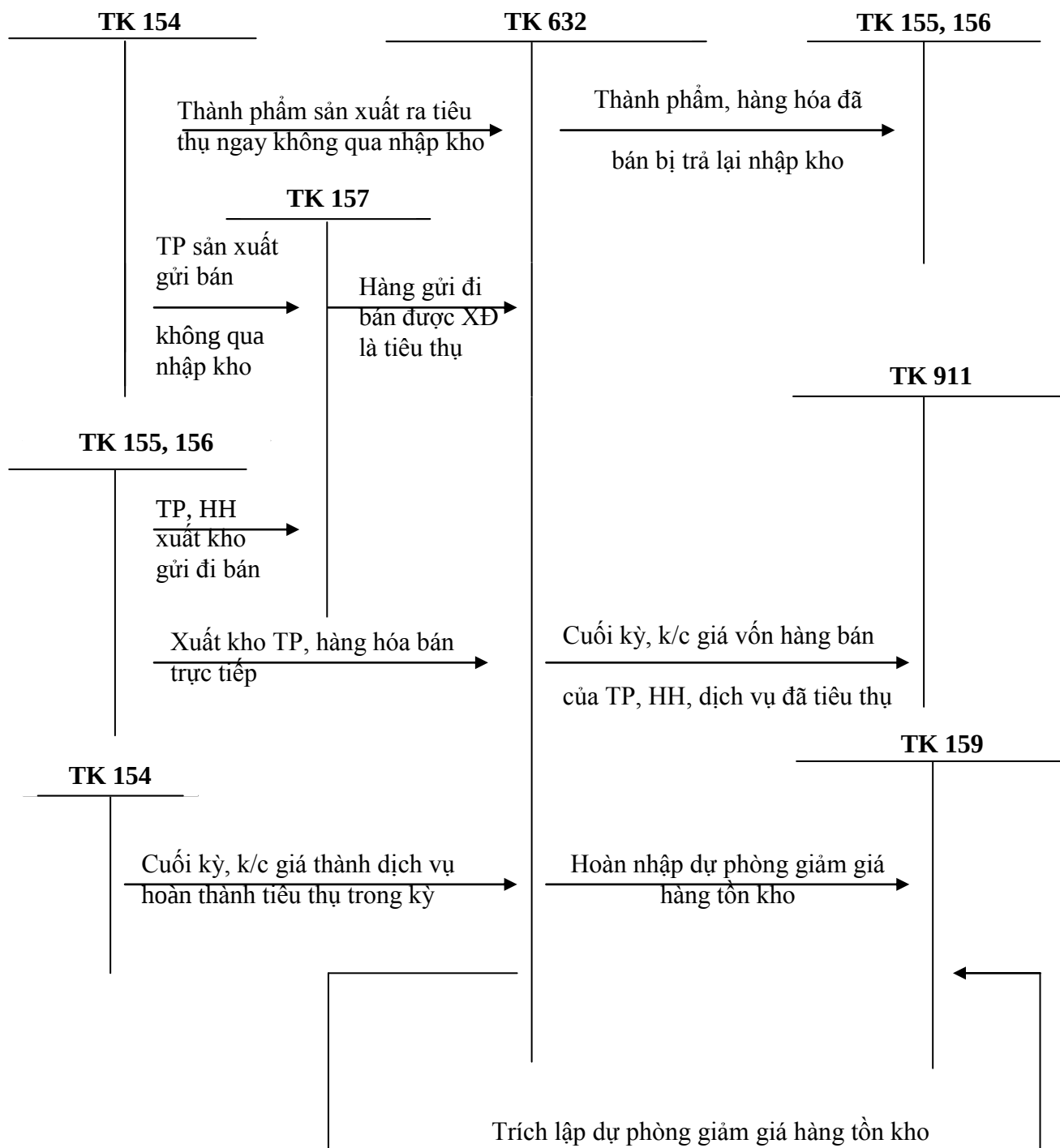
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.		- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ; - K/C giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

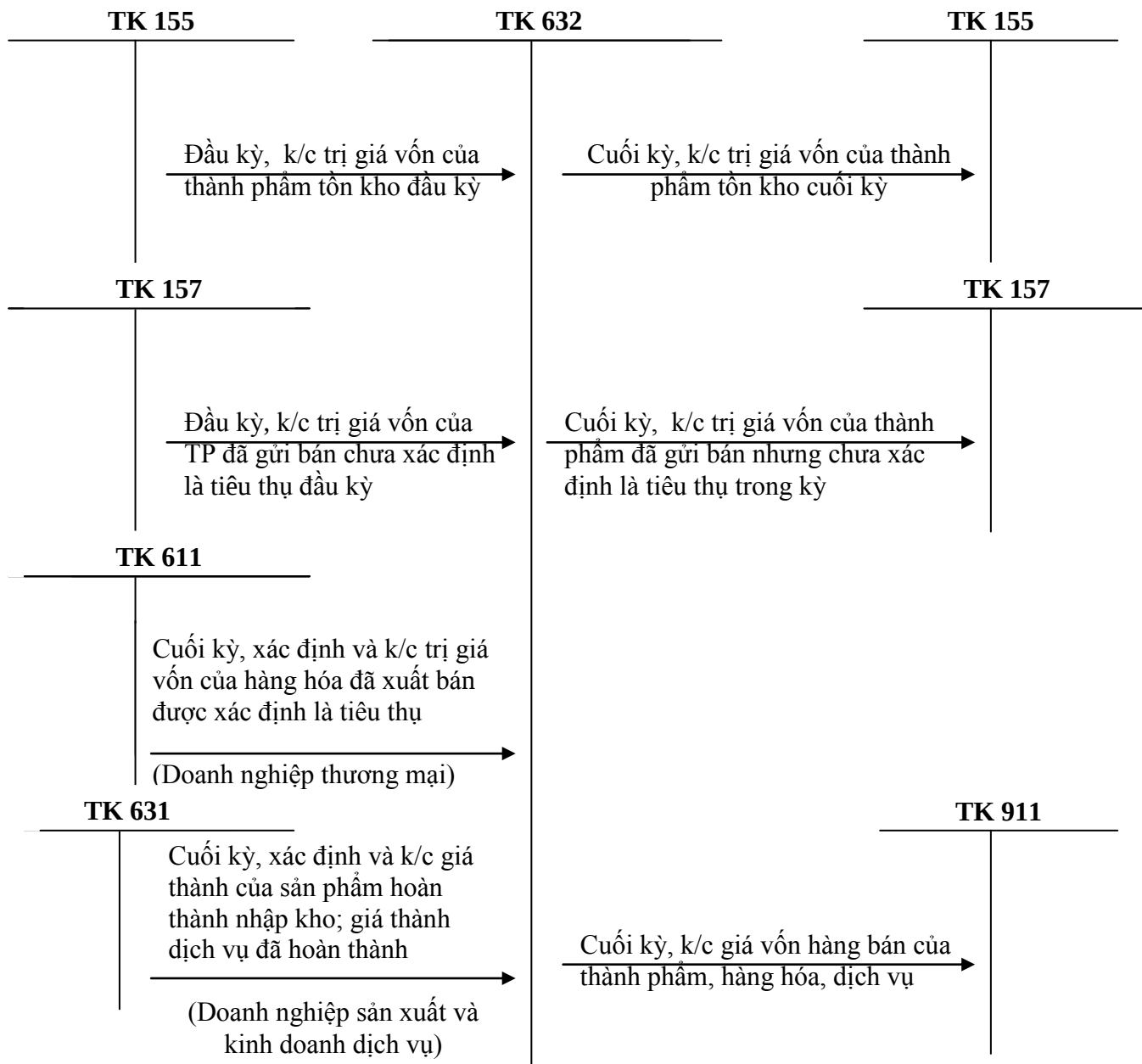
TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.12 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 641 "Chi phí bán hàng"**

✓ Các TK cấp 2:

- + *Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên*
- + *Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì*
- + *Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng*
- + *Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ*
- + *Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành*
- + *Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài*
- + *Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác*

➤ **TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"**

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 641, 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

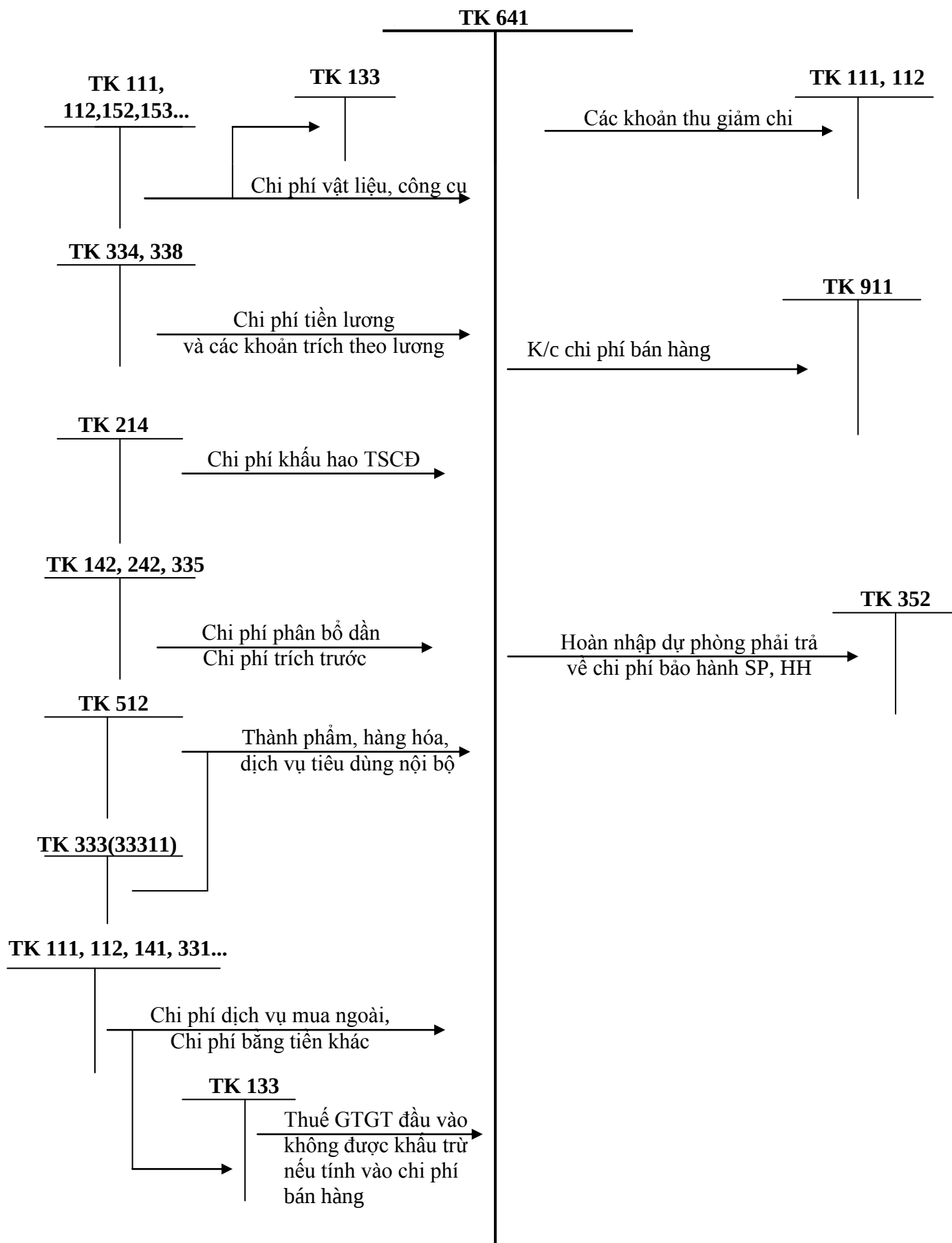
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

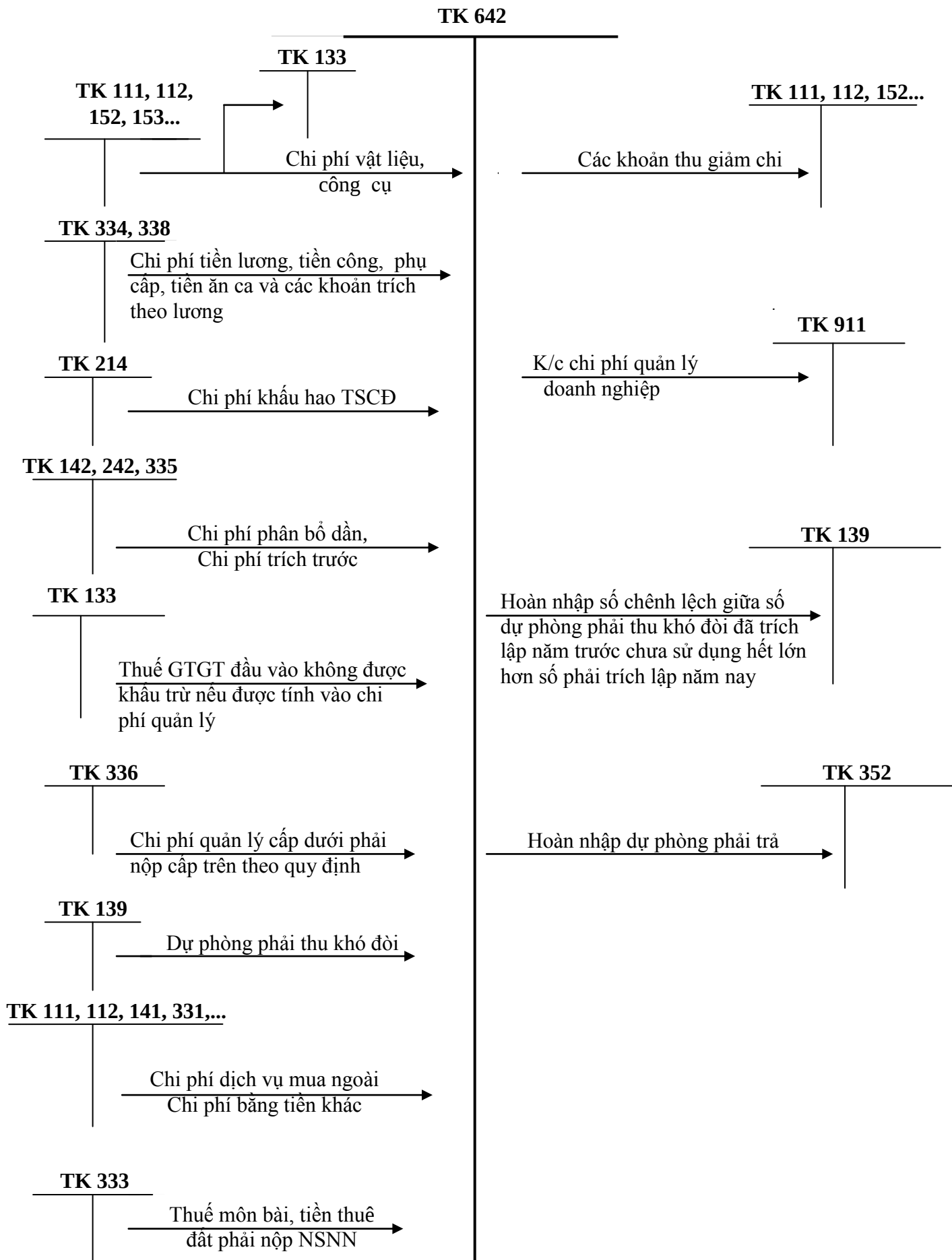
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.13 : Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:**➤ TK 635: Chi phí tài chính**

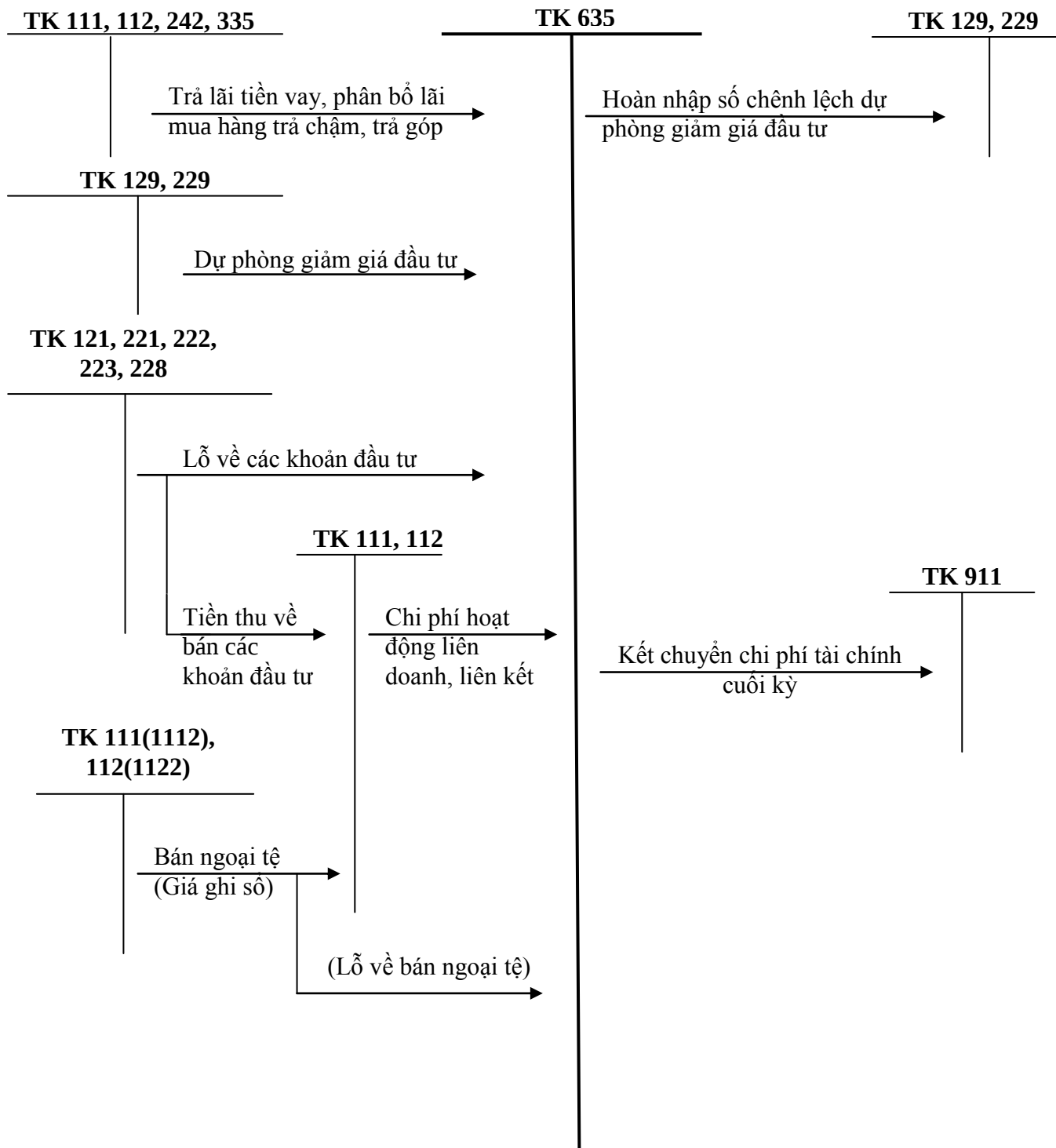
- ✓ Kết cấu của TK 635

Nợ	TK 635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.15 : Kế toán chi phí tài chính



1.4.2.4. Kế toán chi phí khác: **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

 Tài khoản sử dụng:

- ✓ Kết cấu của TK 811:

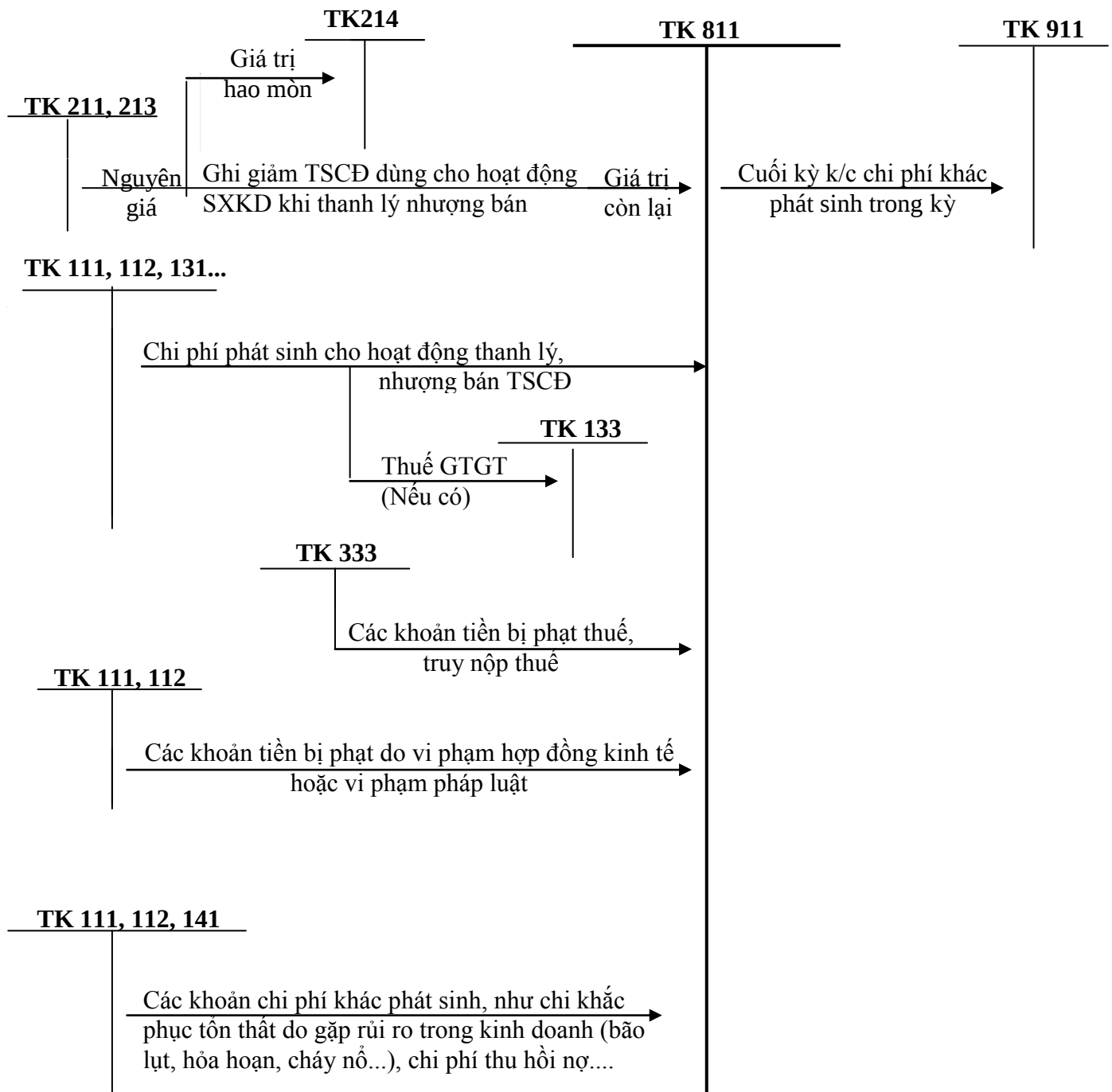
Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.



Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16 : Kế toán chi phí khác



1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác



Tài khoản sử dụng:

- TK 821 " Chi phí thuế TNDN"

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

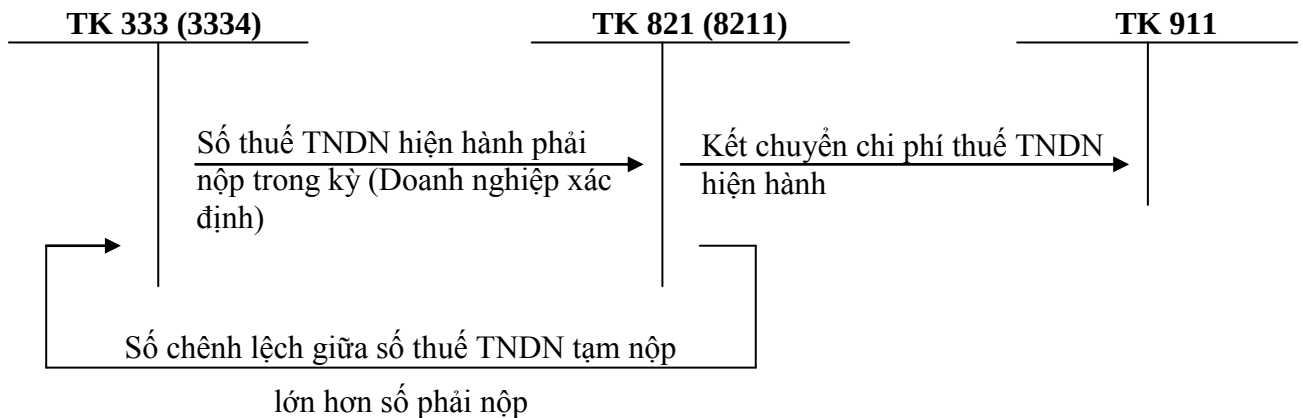
Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911.		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ; - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 ; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

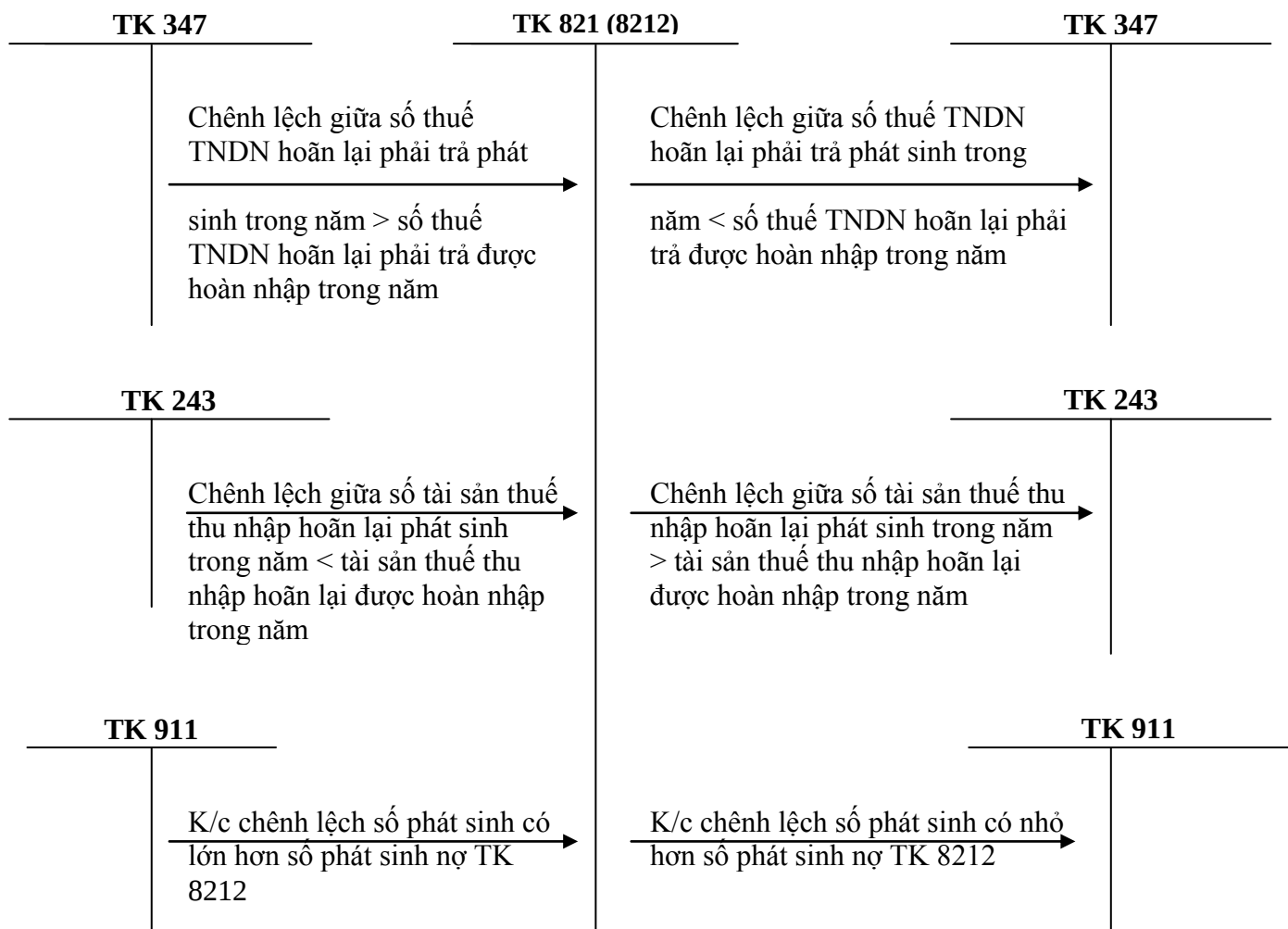
- ✓ Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
 - Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:**+ Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

+ Tài khoản sử dụng:**➤ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

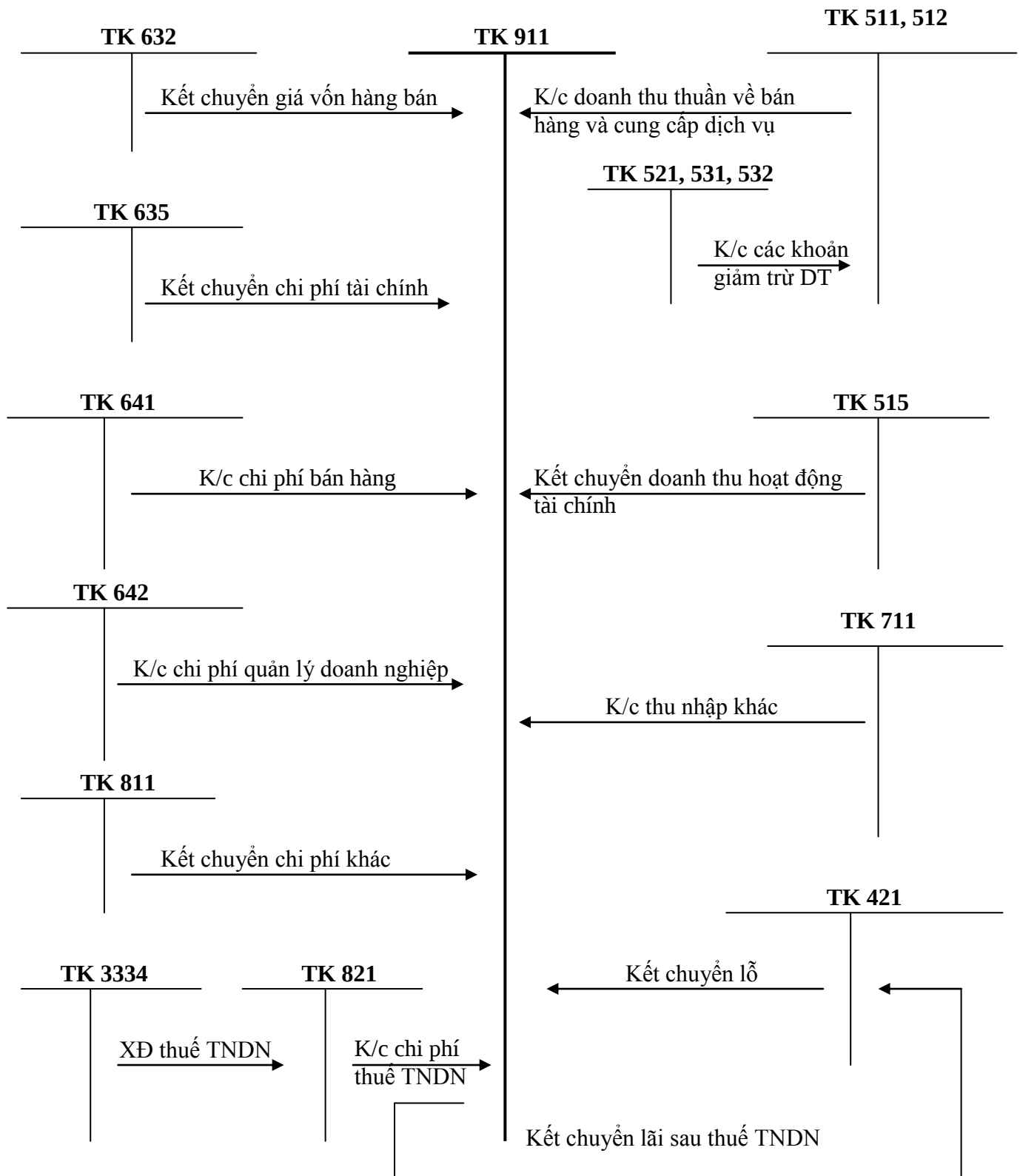
✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi.		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

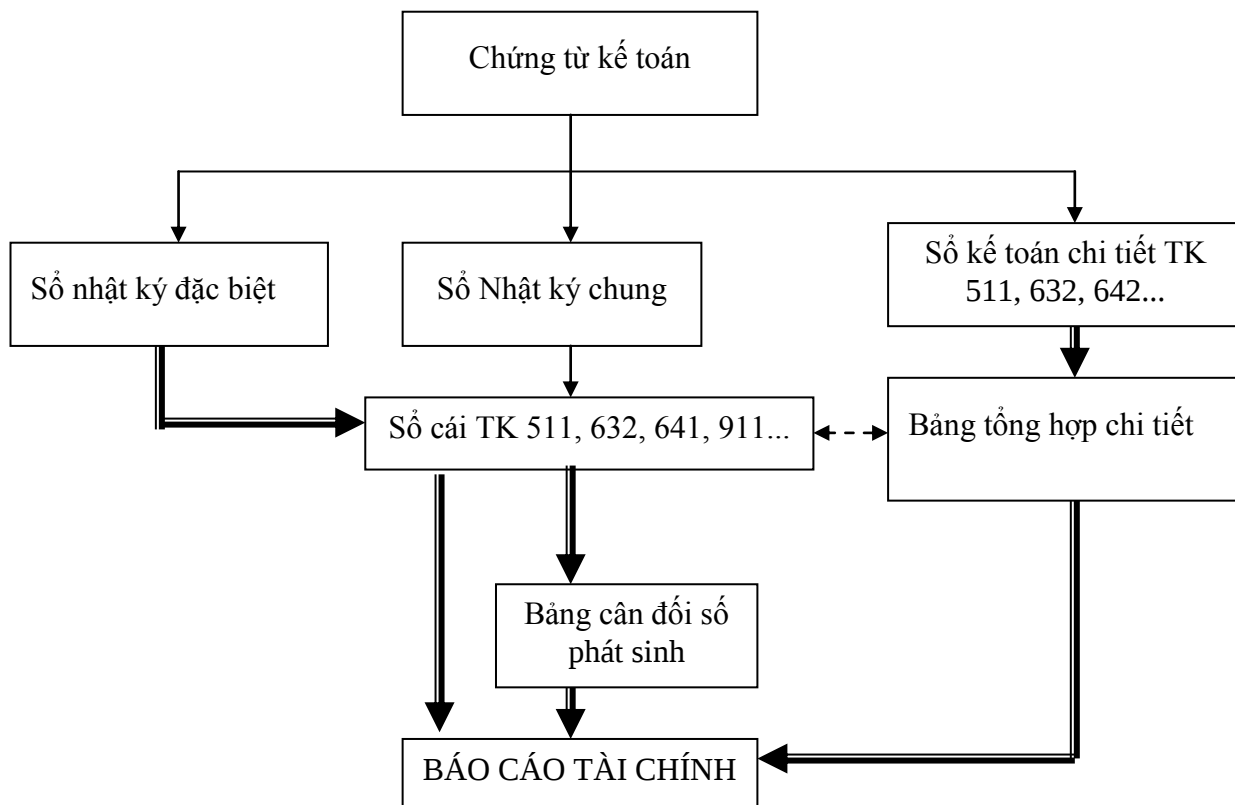
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

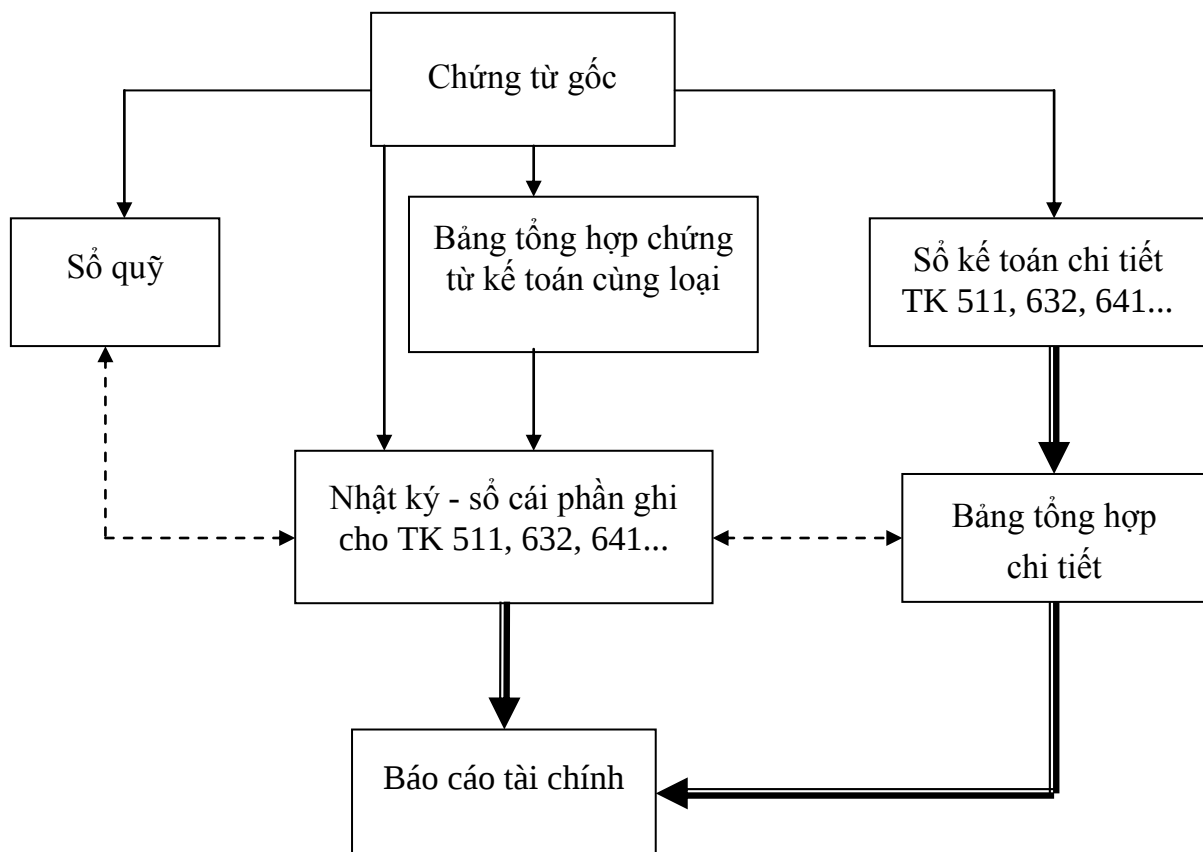
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

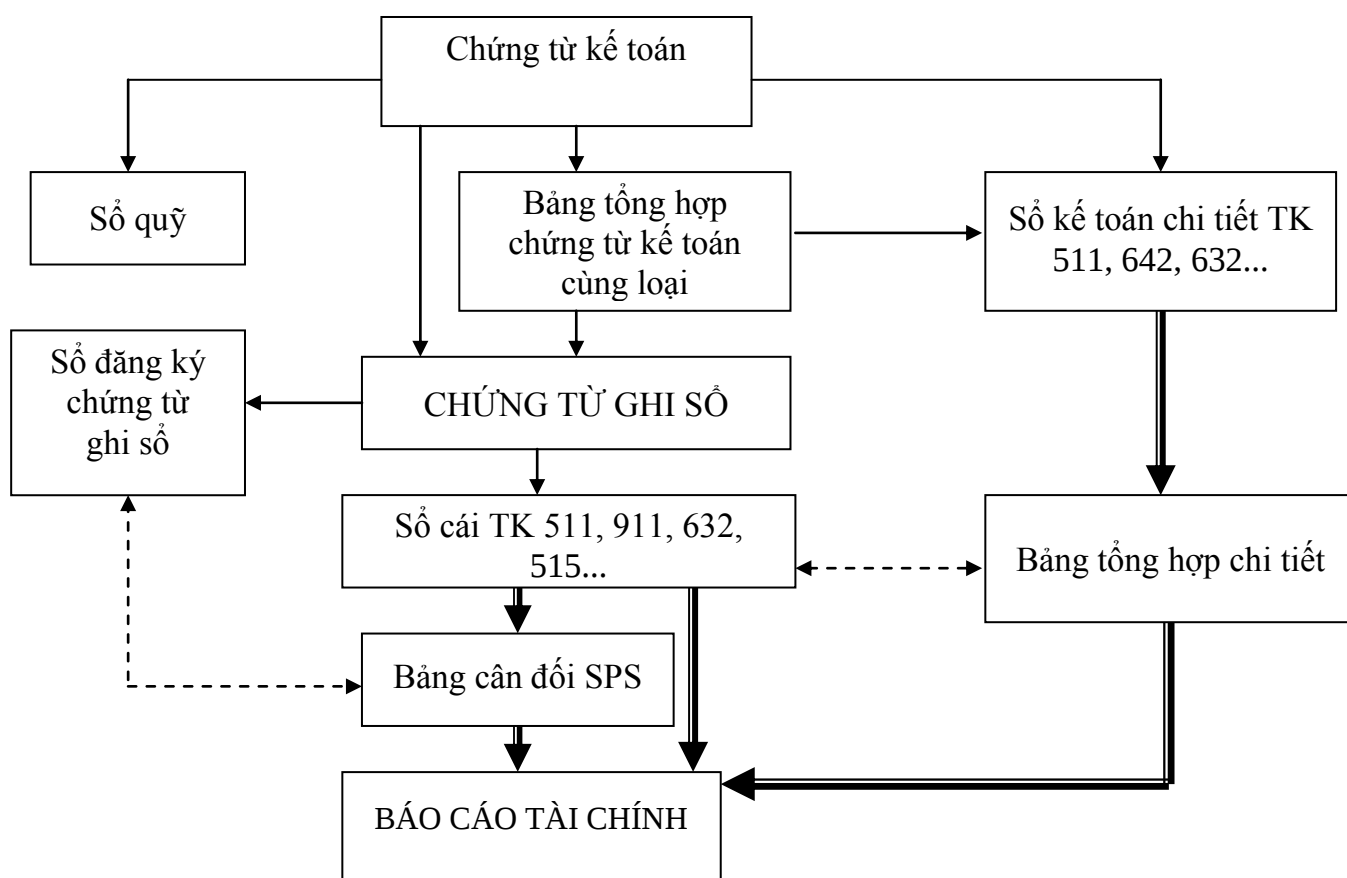
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ ".

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

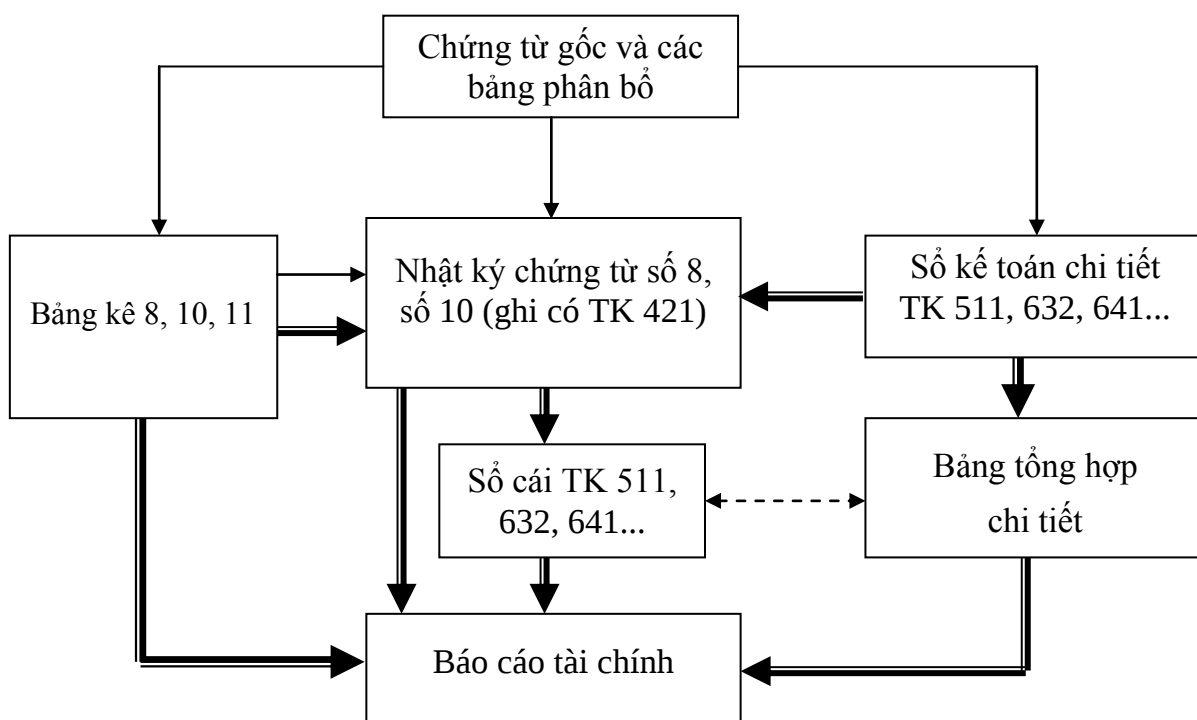
- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:**❖ Đặc trưng cơ bản:**

- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

❖ Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - chứng từ

Ghi chú: Ghi hàng ngày
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

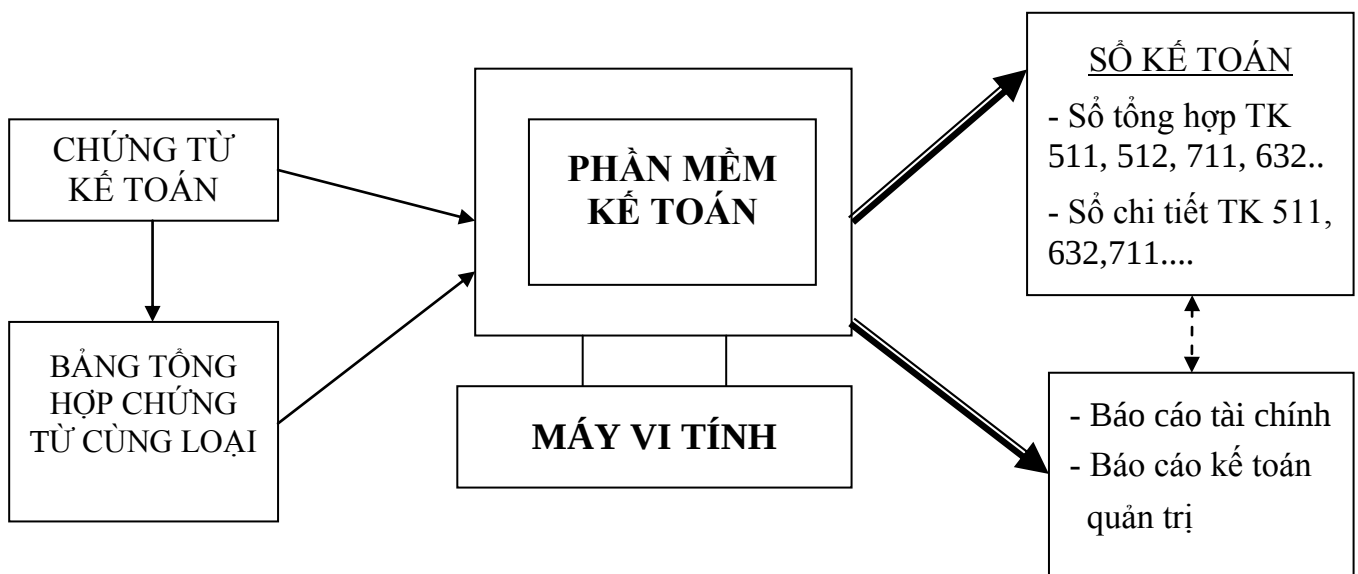
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

❖ *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====→ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BỈM SƠN**

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn:

- + Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BỈM SƠN**
- + Tên giao dịch: **BPC**
- + Địa chỉ : Phường Lam Sơn – Bỉm Sơn – Thanh Hoá

Công ty cổ phần bao bì Bỉm Sơn là một doanh nghiệp được hình thành dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

Ngày 2 tháng 1 năm 1985, nhà máy xi măng Bỉm Sơn (sau đổi tên thành công ty xi măng Bỉm Sơn) chính thức được khánh thành với công suất thiết kế 1,2 triệu tấn/năm, công nghệ sản xuất theo phương pháp ướt, nhà máy phải mua và nhập ngoại hàng chục triệu chiếc vỏ bao xi măng mỗi năm.

Ngày 5 tháng 12 năm 1992 phân xưởng sản xuất vỏ bao thủ công được thành lập theo quyết định số 1020xMBS/TCLĐ của giám đốc nhà máy xi măng Bỉm Sơn, phân xưởng có nhiệm vụ chính là may bao xi măng 5 lớp giấy Krap nhập ngoại với kế hoạch số lượng 9000 vỏ bao /ca sản xuất đáp ứng một phần nhu cầu của nhà máy.

Căn cứ vào tình hình thực tế trên, nếu chỉ duy trì phân xưởng sản xuất vỏ bao thủ công thì không đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng cũng như nhãn mác và giá thành bao bì. Nên ngày 27 tháng 8 năm 1994 Bộ trưởng bộ xây dựng có quyết định số 367 BXD/KHĐT phê duyệt dự án công trình xây dựng xưởng sản xuất vỏ bao PP với công suất 20 triệu bao/năm với tổng giá trị đầu tư trên 60 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 1 năm 1999, thủ tướng chính phủ ra quyết định số 04/1999/QĐTTG chuyển phân xưởng sản xuất vỏ bao công ty xi măng Bỉm Sơn thành công ty cổ phần bao bì Bỉm Sơn (BPC) có tư cách pháp nhân đầy đủ, có dấu riêng được mở tài khoản ở ngân hàng theo quy định của pháp luật và tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 055769 của sở kế

hoạch đầu tư với tổng số vốn điều lệ là 38.000.000.000 đồng. Trong đó:

- + Tỷ lệ cổ phần nhà nước : 50% vốn điều lệ
- + Cổ phần người lao động trong doanh nghiệp : 8% vốn điều lệ
- + Cổ phần ngoài doanh nghiệp : 42% vốn điều lệ

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

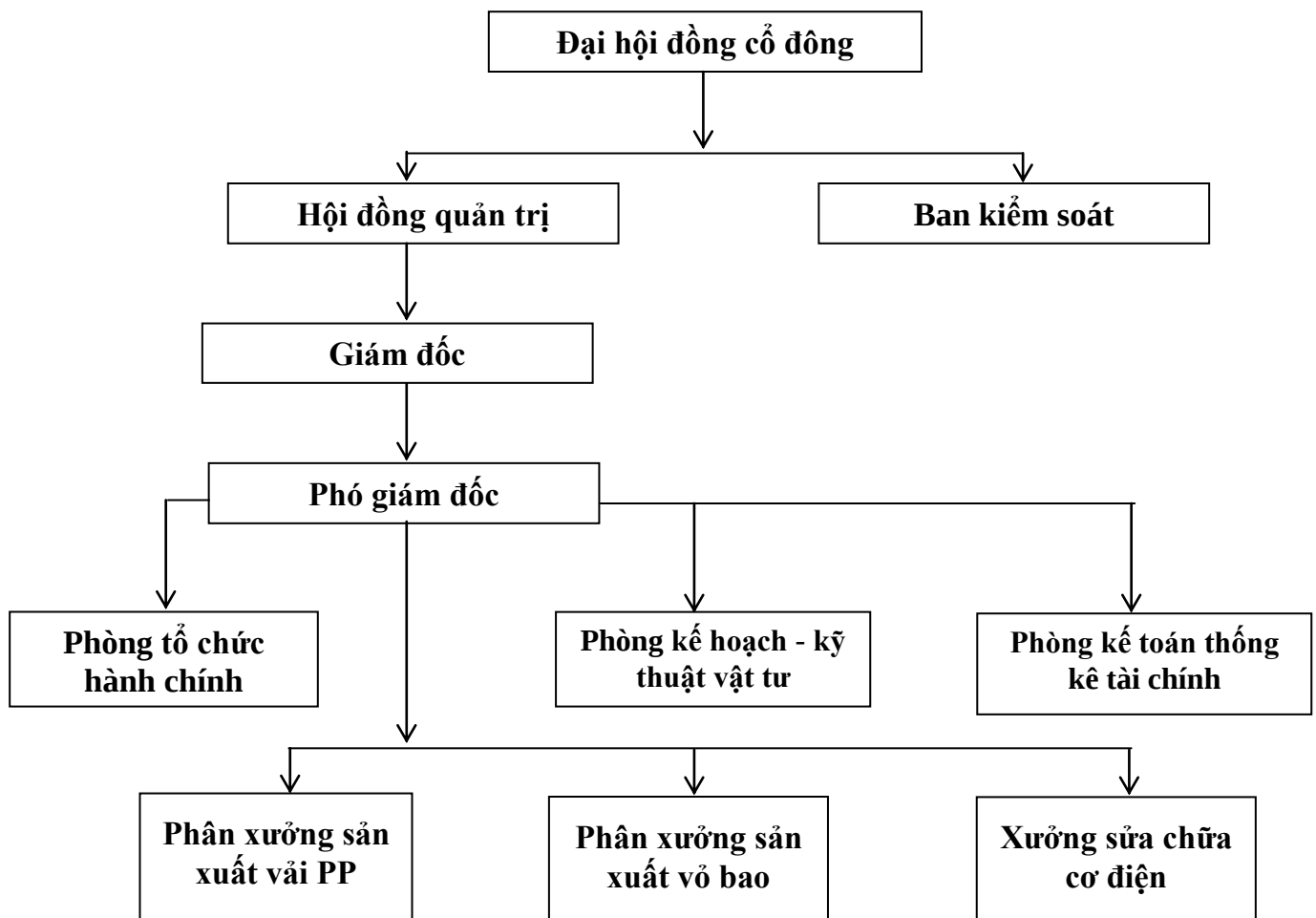
Công ty CP Bao bì Bim Sơn hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Chuyên sản xuất các loại vỏ bao: PP, PK, KPK làm từ một lớp giấy Krap và một lớp nhựa PP.
- Xuất nhập khẩu bao bì các loại, vật tư phụ tùng thiết bị sản xuất bao bì.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty CP Bao bì Bim Sơn:

Công ty cổ phần bao bì Bim Sơn là một doanh nghiệp 50 % vốn nhà nước, để đảm bảo sản xuất có hiệu quả và quản lý tốt quá trình sản xuất, bộ máy quản lý được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



❖ **Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của hội đồng cổ đông.

- **Hội đồng quản trị Công ty :** là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** Do Hội Đồng Cổ Đông bầu ra, chịu trách nhiệm trước các cổ đông về pháp luật, về những kết quả công việc của ban kiểm soát với Công ty.

- **Giám đốc:** Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu mọi trách nhiệm với công ty.

- **Phó giám đốc :** Là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động khác của công ty. Khi giám đốc đi vắng có uỷ quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn công ty.

- **Phòng tổ chức hành chính:** Có nhiệm vụ xây dựng các định mức trả lương cho từng loại sản phẩm đối với công nhân sản xuất và hệ số bậc lương đối với nhân viên quản lý Công ty, xây dựng quỹ lương, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cho người lao động giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong đơn vị.

- **Phòng kế hoạch - kỹ thuật vật tư:** Có nhiệm vụ tổng hợp cân đối yêu cầu vật tư, vật liệu cho phù hợp với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, xây dựng công trình công nghệ tạo ra sản phẩm, đồng thời xây dựng giá cả sản phẩm mới và tiêu thụ, cung ứng hàng hoá kịp thời với thị trường .

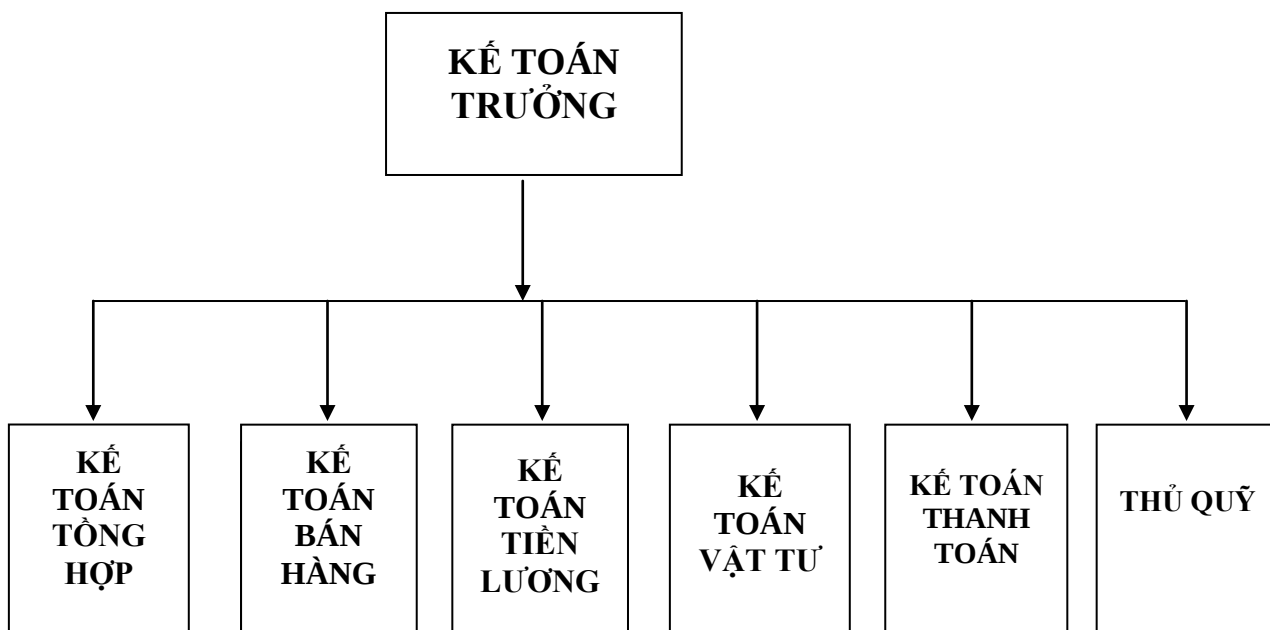
- **Phòng kế toán thống kê tài chính:** Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính, theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý vốn và sử dụng vốn, lập và gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng, tổ chức bảo quản lưu trữ chứng từ .

- **Xưởng sản xuất:** Có chức năng sử dụng nguyên liệu là hạt nhựa PP và phụ gia, tạo ra sợi vải PP, dệt thành vải PP và tráng một lớp màng PP + một lớp giấy Kraft. Sử dụng giấy Kraft và vải PP đã tráng một lớp giấy Kraft để may thành vỏ bao xi măng thành phẩm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn:**2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty CP Bao bì Bể Sơn:**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



- **Kế toán trưởng:** Là người đứng đầu bộ máy kế toán, có nghĩa vụ phụ trách hướng dẫn các kế toán viên thực hiện đúng nhiệm vụ của mình, đồng thời giúp Giám đốc tổ chức lãnh đạo thực hiện công tác thống kê.

- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ theo dõi TSCĐ, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo tài chính cuối kỳ.

- **Kế toán bán hàng:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình hiện có và sự biến động của sản phẩm, hàng hóa xuất bán; theo dõi các khoản doanh thu, chi phí liên quan đến công tác bán hàng; theo dõi công nợ phải thu của các khách hàng.

- **Kế toán tiền lương:** Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương đối với cán bộ, thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- **Kế toán vật tư :** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng

phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành.

- **Kế toán thanh toán:** Có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

- **Thủ quỹ:** Là người quản lý số tiền mặt, rút tiền gửi Ngân hàng về nhập quỹ.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn:

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

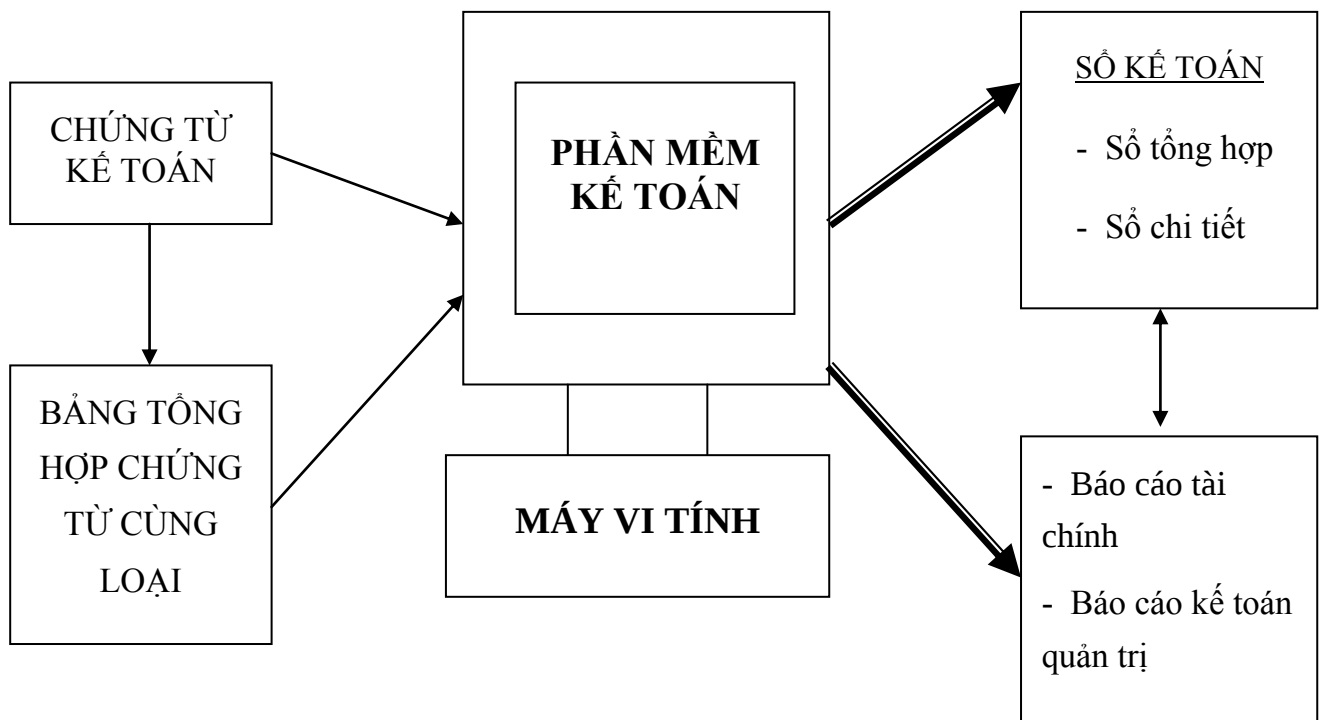
- Đối với hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán, công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hiện nay, công ty sử dụng phần mềm FAST ACCOUNTING 2005 do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST cung cấp. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- <-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra xác định các tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung và sổ cái.

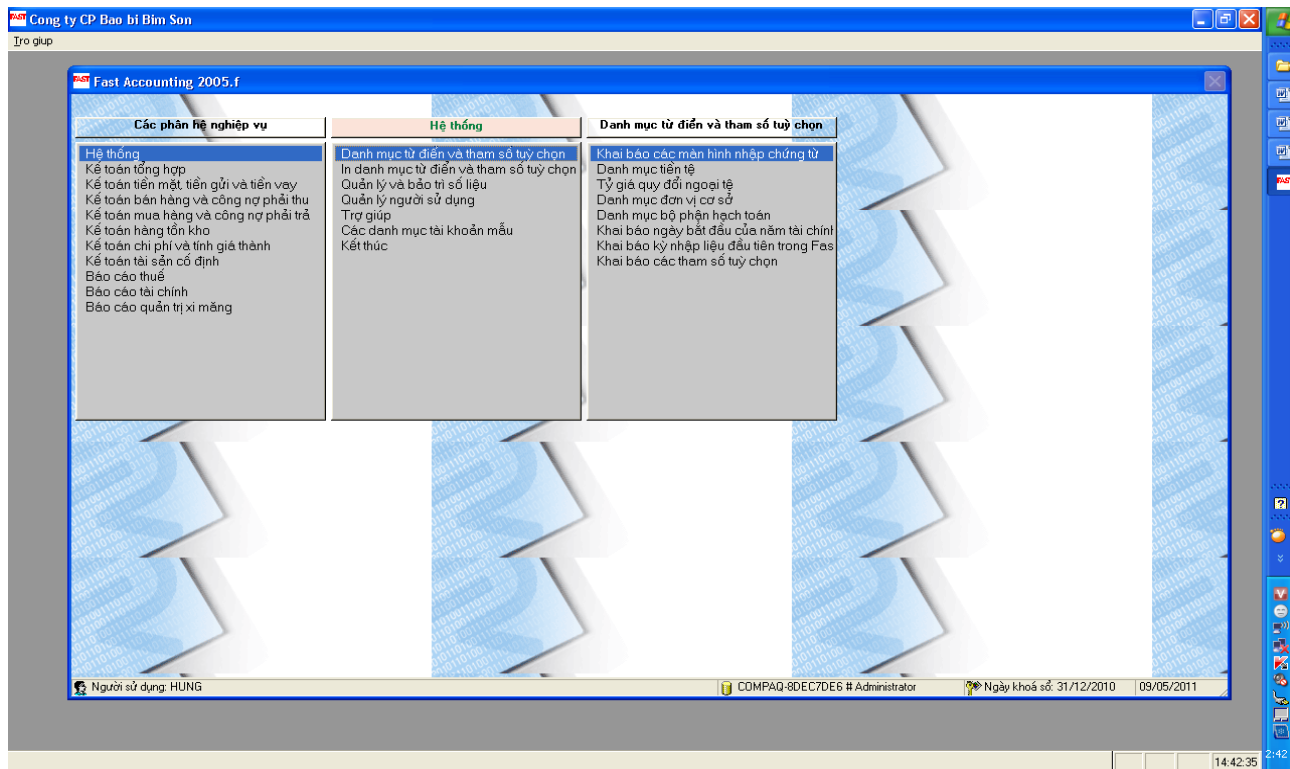
Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm kế toán **Fast Accounting**, nhập tên và mật khẩu của người sử dụng, giao diện màn hình sẽ hiện ra như sau:

Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác:

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng :



Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, lệnh chuyển có
- Các chứng từ liên quan khác



Tài khoản sử dụng:

TK 511" Doanh thu bán hàng"

- Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu bán vỏ bao
- + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm khác
- + TK 5113: Doanh thu bán phế liệu
- + TK 5118: Doanh thu khác

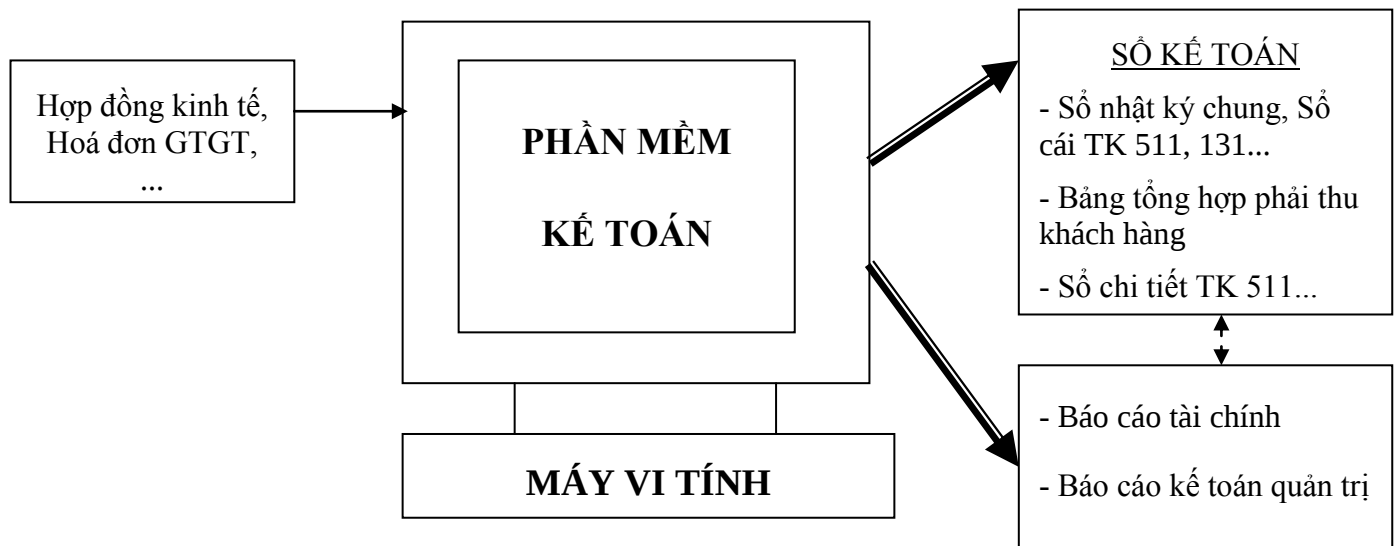
✚ **Phương thức bán hàng** của công ty là phương thức bán hàng trực tiếp

✚ **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

✚ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

✚ **Ví dụ minh họa**

Ngày 30/03/2010, công ty bán cho công ty xi măng Nghi Sơn một lô vỏ bao xi măng KPK số tiền 488.510.000 (đã bao gồm VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán.

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế và đơn đặt hàng của Công ty xi măng Nghi Sơn, kế toán tiến hành lập Hóa đơn giá trị gia tăng 0029036.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0029036

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu: AK/2009B		
(Liên 3: Nội bộ)			Số: 0029036		
Ngày 30 tháng 03 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn					
Địa chỉ: Phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
Số tài khoản: 50510000001701 tại Ngân hàng đầu tư & phát triển Bim Sơn					
Điện thoại:			MST: 28 00 508928		
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty xi măng Nghi Sơn					
Địa chỉ: Xã Hải Thượng - Huyện Tĩnh Gia - Thanh Hóa					
Số TK:					
Hình thức thanh toán:			MST: 2800464741 - 1		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Vỏ bao xi măng KPK	Cái	100.000	4.441	444.100.000
Cộng tiền hàng:					444.100.000
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:		44.410.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					488.510.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán nhập số liệu vào phần mềm kế toán. Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0029036, kế toán nhập số liệu vào máy tính theo trình tự sau:

- Từ màn hình nền của Window, kích đúp chuột vào biểu tượng của phần mềm **FAST ACCOUNTING**, kế toán bán hàng nhập tên và mật khẩu của mình để vào phần mềm. Chọn phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* → *Cập nhật số liệu* → Chọn *Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho* → Chọn "mới" để nhập số liệu từ hóa đơn giá trị gia tăng.

Sau khi nhập đầy đủ các thông tin vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho, kích chọn "**lưu**" (Riêng đối với cột Giá vốn VNĐ, tiền vốn VNĐ máy tính sẽ tự động cập nhật vào hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho sau khi tính giá trung bình của thành phẩm cuối tháng. Vì vậy, khi in ra các sổ sách có liên quan, nghiệp vụ ghi nhận giá vốn vẫn được phản ánh đồng thời với nghiệp vụ ghi nhận doanh thu).

Màn hình giao diện hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Công ty CP Bao bì Bim Sơn

Tro giúp

Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Loại hoá đơn	1	Số hđ	29036		
Mã khách	CTY190	Công ty xi măng Nghi sơn	Số seri	AK/20098	
Địa chỉ	Tỉnh gia Thanh hoá	MST	2800464741-1	Ngày ht	30/03/2010
Ng. mua hàng		Ngày lập hđ	30/03/2010		
Diễn giải	Bán vỏ bao xi măng KPK	Tỷ giá	VND	1.00	
Mã nx (tk nợ)	131	BPKD	Nhóm hàng	Bán vỏ bao xi măng KPK	

☐ Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TB F4:Thêm dòng, F8:Xóa dòng, F5:Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vv	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VNĐ	Thành tiền VNĐ	Tk dt
TP002	Vỏ bao xi măng KPK	Cái	KH05			100 000,00	4 441,0000	444 100 000	5111

Số lượng	100 000,00	Tiền vốn	363 978 930		
Mã thuế	10	10,00% Tk thuế	131 / 33311	Tiền hàng	444 100 000
Trạng thái in	0	Tk ck		Tiền thuế	44 410 000
Trạng thái	1	0 - Chưa, 1 - Chuyển vào sổ cái, 3 - Hủy	Tiền ck		
			Tổng TT	488 510 000	
			Hạn TT	0	

K_citmp (c:\Vast05\ts10\tmp\k_citmp.dbf) Record: 6/14 Exclusive CAPS 15:28:12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Đưa in Sổ nhật ký chung, chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung* → *Sổ nhật ký chung*. Tại mục "Từ ngày đến ngày": từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010. Sau cùng chọn "nhận" để xem, F7 để in, ESC để thoát ra.

Biểu số 2: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/03	PX 1/3	Phục vụ sản xuất			
		Cho xưởng sản xuất phụ trợ	627213	913.730	
		Phụ tùng	1524		913.730
		Chi phí công cụ dụng cụ xưởng sản xuất phụ trợ	627303	34.000	
		Công cụ dụng cụ	1531		34.000
01/03	PX 2/3	Phục vụ sản xuất			
		Chi phí vật liệu khác - xưởng sản xuất phụ trợ	627223	787.676	
		Vật liệu phụ	1522		787.676
.....					
30/03	PC 83/3	Tạm ứng (Lê Thị Quyết)			
		Tạm ứng	141	5.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.000.000
30/03	HD 29036	Bán vỏ bao xi măng KPK (Công ty xi măng Nghi Sơn)			
		Phải thu khách hàng	131	444.100.000	
		Doanh thu bán vỏ bao	5111		444.100.000
		Vỏ bao xi măng	6321	363.978.930	
		Vỏ bao xi măng	1552		363.978.930
		Phải thu của khách hàng	131	44.410.000	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.410.000
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

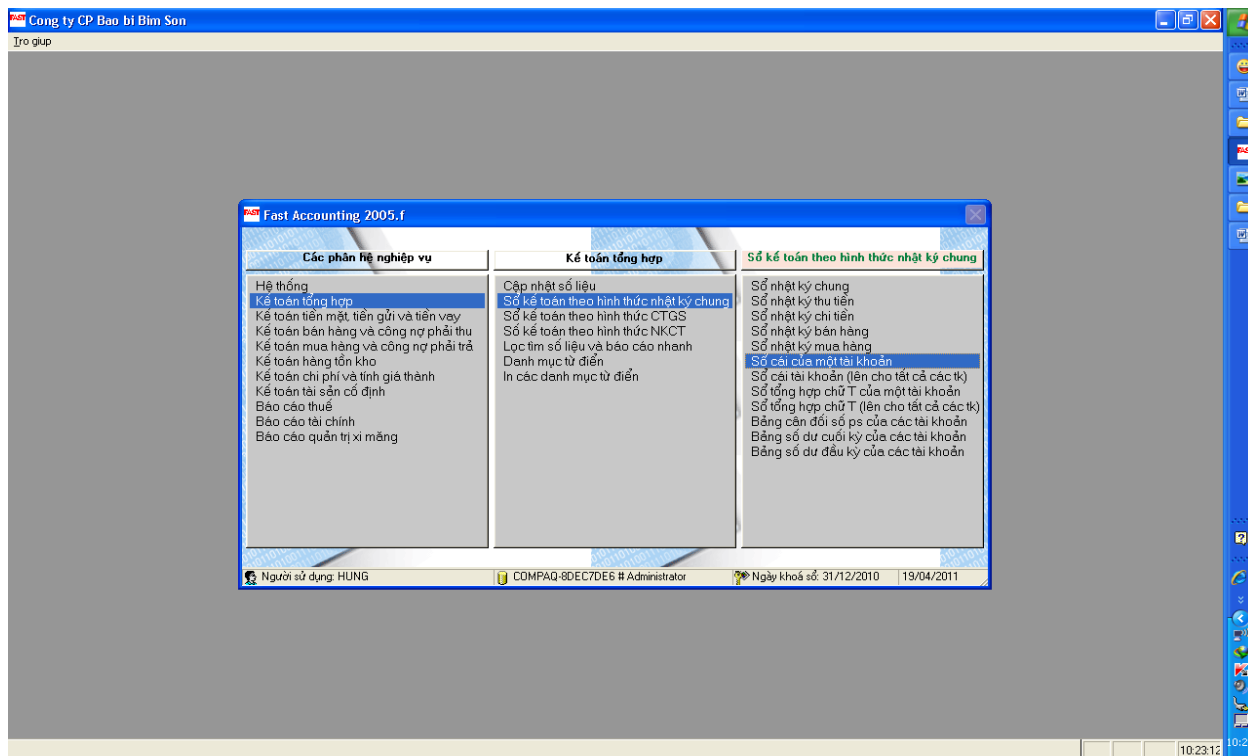
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

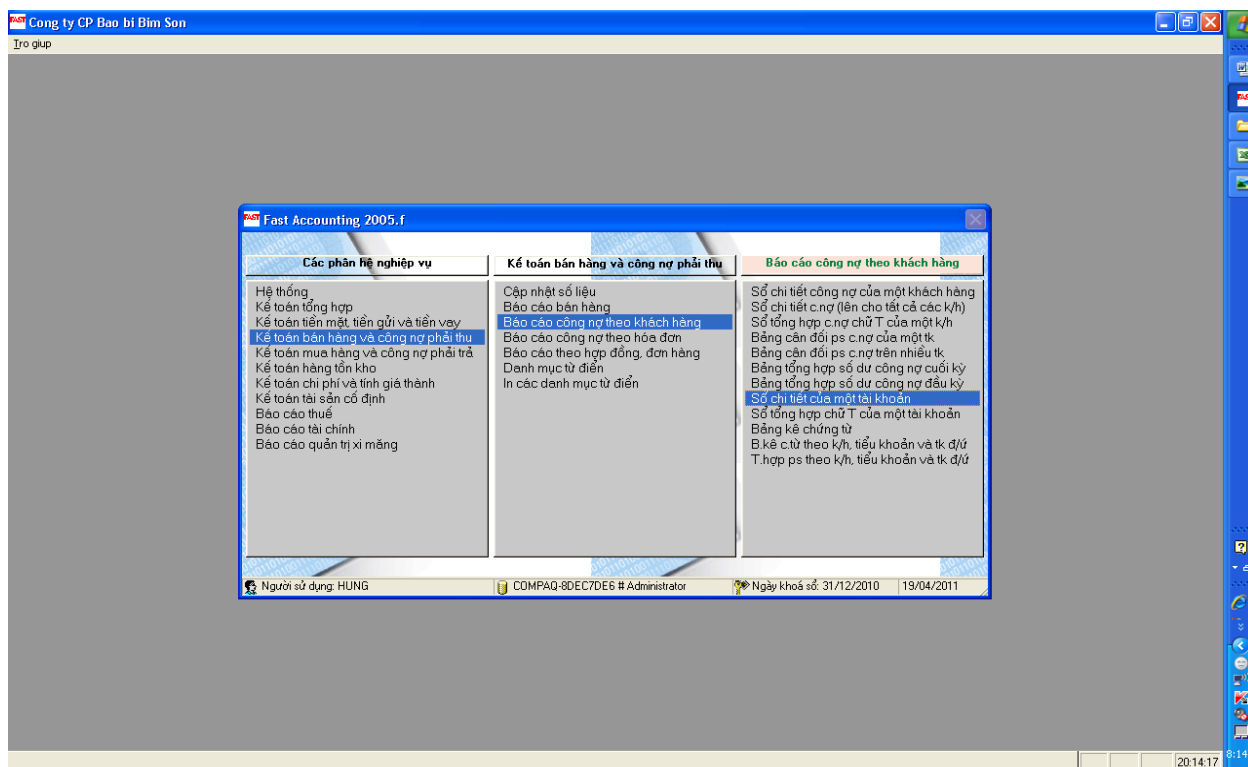
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Để in ra sổ cái TK 511, kế toán chọn phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung* → *Sổ cái của một tài khoản (TK 511)*.



Để in ra sổ chi tiết TK 5111, kế toán chọn phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* → *Báo cáo công nợ theo khách hàng* → *Sổ chi tiết của một tài khoản (TK 5111)*



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3: Sổ cái TK 511

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
15/03	HD 29018	Công ty CP xi măng Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		8.282.000.000
15/03	HD 29019	Công ty cổ phần Tiến Long	Bán phế liệu các loại	3386		17.409.075
.....						
19/03	HD 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô 001, 002	131		-53.292
.....						
30/03	HD 29035	Công ty Cổ phần xi măng Hương Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		395.454.000
30/03	HD 29036	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		444.100.000
31/03	HD 29038	C/Nhánh Cty TNHH Duyên Hà	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		1.254.000.000
31/03	HD 29040	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		724.360.000
.....						
31/03	PKT	-	Kết chuyển DT bán hàng 5111 -> 9111	9111	26.931.443.651	
31/03	PKT	-	Kết chuyển DT bán hàng 5113 -> 9111	9111	178.850.097	
			Tổng số phát sinh		27.110.293.748	27.110.293.748

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 04: Sổ chi tiết TK 5111

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán vỏ bao
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....						
19/03	HĐ 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô: 001, 002	131		-53.292
.....						
26/03	HĐ 29032	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		444.100.000
29/03	HĐ 29033	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		444.100.000
29/03	HĐ 29034	Cty CP xi măng Hường Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		761.818.000
30/03	HĐ 29035	Cty CP xi măng Hường Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		395.454.000
30/03	HĐ 29036	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		444.100.000
31/03	HĐ 29038	C/Nhánh Cty TNHH Duyên Hà	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		1.254.000.000
31/03	HĐ 29040	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		724.360.000
.....						
31/03	PKT	-	Kết chuyển DT bán hàng 5111 -> 9111	9111	26.931.443.651	
			Tổng số phát sinh		26.931.443.651	26.931.443.651

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan



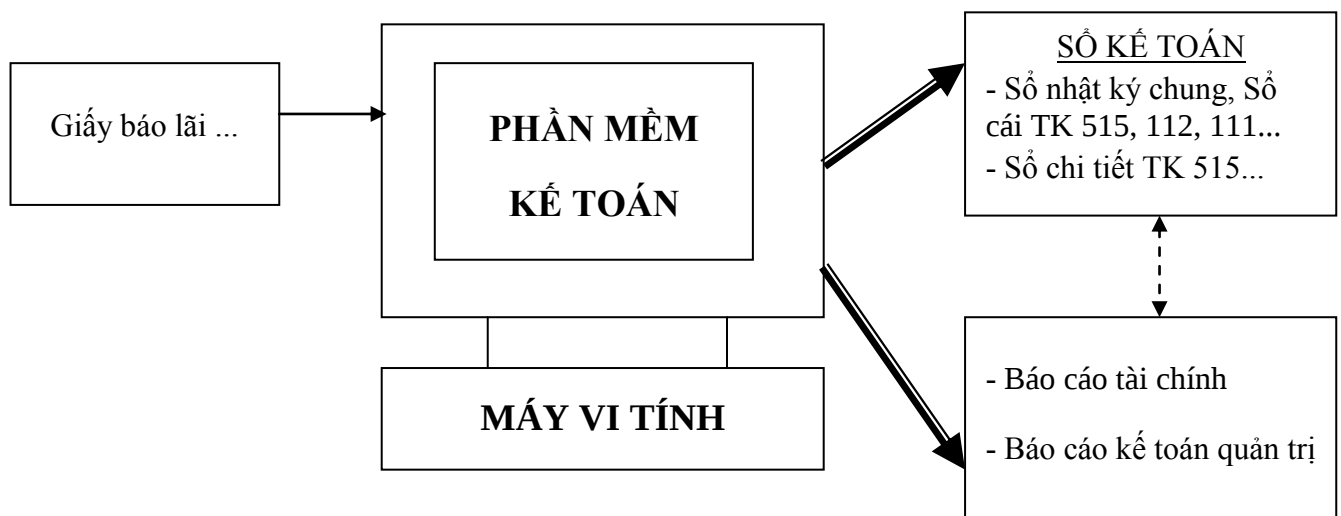
Tài khoản sử dụng:

- TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"
 - ✓ Các tài khoản cấp 2:
 - + TK 5152: Lãi tiền gửi ngân hàng
 - + TK 5153: Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đầu tư chứng khoán
 - + TK 5154: Thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán
 - + TK 5158: Doanh thu hoạt động tài chính khác



Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- <-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra



Ví dụ minh họa:

Ngày 31/03/2010, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng T3/2010 của ngân hàng Công thương Bim Sơn (Chi nhánh Bim Sơn), số tiền 1.780.627 đ.

Biểu số 05: Giấy báo lãi

00424 - NHCT BİM SƠN

GIẤY BÁO LÃI

Từ ngày 01/03/2010 đến hết ngày 31/03/2010

Kính gửi: CÔNG TY CP BAO BÌ BİM SƠN

Tài khoản số - 10201000038203

Mở tại Ngân hàng Công thương chúng tôi với lãi suất và số tiền như sau:

Lãi suất 2,4% /năm - Số tiền VNĐ : 1.780.627

KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TP KẾ TOÁN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Căn cứ vào giấy báo lãi của ngân hàng Công thương Bim Sơn, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để nhập số liệu vào *Giấy báo có (thu)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy.

Màn hình giao diện giấy báo có (thu) của ngân hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, Sổ chi tiết TK 5152.

Biểu số 06: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
02/03	PC 9/3	Tạm ứng lương tháng 3/2010			
		Phải trả công nhân viên	334	274.500.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		274.500.000
02/03	PC 10/3	Tạm ứng mua dầu diesel			
		Tạm ứng	141	6.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		6.000.000
.....					
30/03	PX 81/3	Phục vụ sản xuất			
		Cho xưởng sản xuất phụ trợ	627213	2.583.286	
		Phụ tùng	1524		2.583.286
31/03	BC 26/3	Trả tiền mua vỏ bao xi măng			
		Tiền VNĐ gửi Ngân hàng Công thương Bim Sơn	11211	1.500.000.000	
		Phải thu khách hàng	131		1.500.000.000
31/03	BC 27/3	Lãi tiền gửi tháng 3/2010			
		Tiền VNĐ gửi Ngân hàng công thương Bim Sơn	11211	1.780.627	
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5152		1.780.627
31/03	PN3.01	Nhập kho vải trắng KP sản xuất trong tháng 3/2010			
		Vải trắng măng	1551	14.044.736.891	
		CP SX KD dở dang - X.Vải	1541		14.044.736.891
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 7: Sổ cái TK 515

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	BC 27/03	Ngân hàng Công thương Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11211		1.780.627
31/03	BC 31/03	N/Hàng chính sách xã hội Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11213		41.270
31/03	BC 32/03	N/hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - PGD Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11216		779.613
31/03	BC 50/3	Ngân hàng ĐT & PT Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11212		1.118.511
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5152 -> 9112	9112	3.720.021	
			Tổng số phát sinh		3.720.021	3.720.021

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 08: Sổ chi tiết TK 5152

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5152 - Lãi tiền gửi ngân hàng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	BC 27/03	Ngân hàng công thương Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11211		1.780.627
31/03	BC 31/03	N/Hàng chính sách xã hội Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11213		41.270
31/03	BC 32/03	N/hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - PGD Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11216		779.613
31/03	BC 50/3	Ngân hàng ĐT & Phát triển Bim Sơn	Lãi tiền gửi tháng 3/2010	11212		1.118.511
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5152 -> 9112	9112	3.720.021	
			Tổng số phát sinh		3.720.021	3.720.021

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Lệnh chuyển có
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

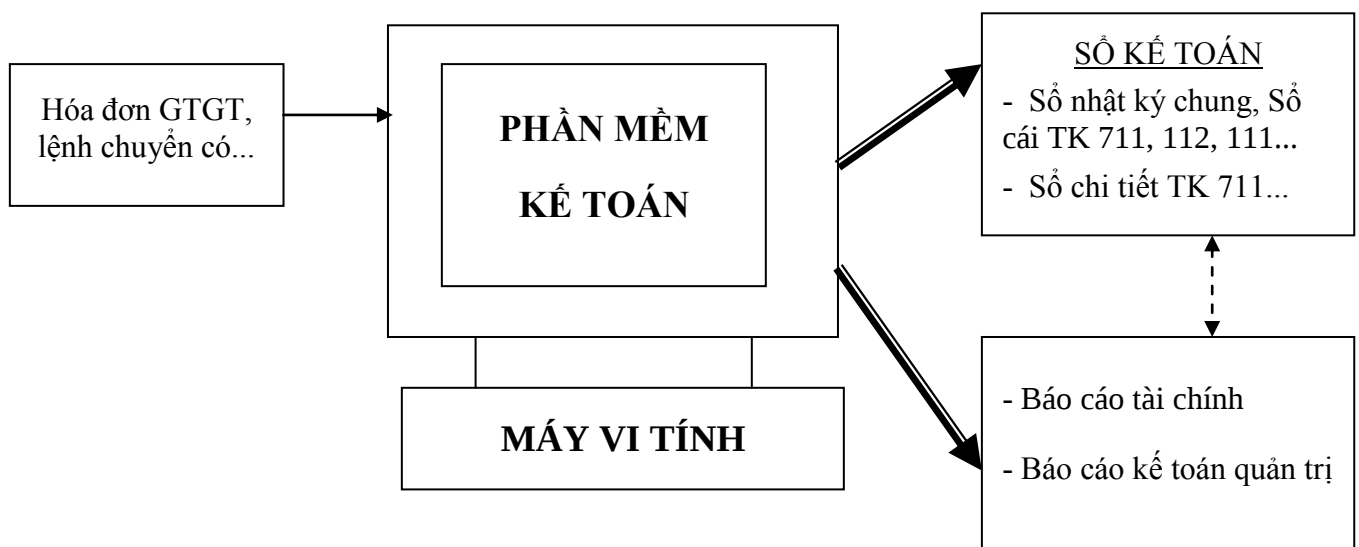
TK 711 "Thu nhập khác"

✓ Các TK cấp 2:

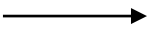
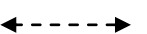
- + TK 7111: Nhượng bán thanh lý tài sản cố định
- + TK 7112: Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- + TK 7113: Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + TK 7114: Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại
- + TK 7115: Nhượng bán phế liệu phế phẩm
- + TK 7118: Các khoản thu nhập khác

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty CP Bao bì Bim Sơn



Ghi chú :

	Nhập số liệu hàng ngày
	In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
	Đối chiếu, kiểm tra

Trong tháng 3/2010, công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng), nên giá vốn được tính vào cuối tháng và chương trình sẽ tự động cập nhật vào các chứng từ liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 632 " Giá vốn hàng bán"**

✓ Các tài khoản cấp 2:

+ TK 6321: Vỏ bao xi măng

+ TK 6322: Các sản phẩm khác

+ TK 6323: Chi phí thu gom phế liệu

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 30/03/2010, công ty bán cho công ty xi măng Nghi Sơn một lô vỏ bao xi măng KPK số tiền 488.510.000 (đã bao gồm VAT 10%) chưa thanh toán (ví dụ mục 2.2.1.1 - *Kế toán doanh thu bán hàng*).

Vào ngày 31/03/2010, kế toán tính giá trung bình của từng thành phẩm trên phần mềm kế toán FAST. Trong ví dụ minh họa này, phần mềm sẽ tính giá trung bình của vỏ bao xi măng KPK tại tháng 3/2010. Kế toán vào phân hệ *Kế toán hàng tồn kho* → *Cập nhật số liệu* → *Tính giá trung bình*. Khi đó sẽ xuất hiện hộp thoại, kế toán nhập tháng cần tính giá trung bình (Từ T3/2010 đến T3/2010), tên kho (KHO5), tên vật tư (TP002). Sau đó, kích vào "*nhận*" để chương trình thực hiện tính giá trung bình. Máy tính sẽ tự động phản ánh phần giá vốn hàng bán vào *hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho số 0029036* lập cho ngày 30/03/2010. Khi đó, các số liệu của "*giá vốn VNĐ và tiền vốn VNĐ*" ở hóa đơn bán hàng kèm phiếu xuất kho ngày 30/03/2010 sẽ tự động được chuyển vào các sổ sách có liên quan đến nghiệp vụ ghi nhận giá vốn: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632; sổ chi tiết TK 6321.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 09: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
16/03	PT 9/3	Hoàn ứng (Nguyễn Thị Hương)			
		Tiền mặt Việt Nam	1111	1.000.000	
		Tạm ứng	141		1.000.000
16/03	PC 45/3	Thanh toán tiền chi phí giao dịch quý I/2010			
		Chi giao dịch đối ngoại	642814	300.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		300.000
		Phụ cấp đi công tác, thuê phòng nghỉ	64283	700.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		700.000
.....					
30/03	HD 29036	Bán vỏ bao xi măng KPK (Công ty xi măng Nghi Sơn)			
		Phải thu của khách hàng	131	444.100.000	
		Doanh thu bán vỏ bao	5111		444.100.000
		Vỏ bao xi măng	6321	363.978.930	
		Vỏ bao xi măng	1552		363.978.930
		Phải thu của khách hàng	131	44.410.000	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.410.000
30/03	PX 80/3	Phục vụ sản xuất			
		Chi phí NVLTT phân xưởng vải	6211	275.858.416	
		Nguyên liệu, vật liệu chính	1521		275.858.416
		Chi phí NVLTT phân xưởng vỏ	6212	132.371.442	
		Nguyên liệu, vật liệu chính	1521		132.371.442
30/03	PX 81/3	Phục vụ sản xuất			
		Cho xưởng sản xuất phụ trợ	627213	2.583.286	
		Phụ tùng	1524		2.583.286
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 10: Sổ cái TK 632

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....						
19/03	HĐ 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô: 001, 002	1552	-43.954	
.....						
26/03	HĐ 29032	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
29/03	HĐ 29033	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
29/03	HĐ 29034	Công ty Cổ phần xi măng Hương Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	727.957.860	
30/03	HĐ 29035	Công ty Cổ phần xi măng Hương Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
30/03	HĐ 29036	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
31/03	HĐ 29038	Chi nhánh Cty TNHH Duyên Hà	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	1.201.130.469	
.....						
31/03	HĐ 29048	Công ty CP xi măng Hoàng Mai	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	1.164.732.576	
31/03	PKT	-	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->9111	9111		24.264.506.194
			Tổng số phát sinh		24.264.506.194	24.264.506.194

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11: Sổ chi tiết tài khoản 6321

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6321- Vỏ bao xi măng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
15/03	HĐ 29018	Công ty cổ phần xi măng Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	7.352.374.386	
.....						
19/03	HĐ 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô: 001, 002	1552	-43.954	
.....						
26/03	HĐ 29032	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
29/03	HĐ 29033	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
.....						
30/03	HĐ 29036	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
31/03	HĐ 29038	Chi nhánh Cty TNHH Duyên Hà	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	1.201.130.469	
.....						
31/03	HĐ 29047	Công ty CP xi măng Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	10.683.189.252	
31/03	HĐ 29048	Công ty CP xi măng Hoàng Mai	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	1.164.732.576	
31/03	PKT	-	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->9111	9111		24.264.506.194
			Tổng số phát sinh		24.264.506.194	24.264.506.194

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính:

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 635: Chi phí tài chính**

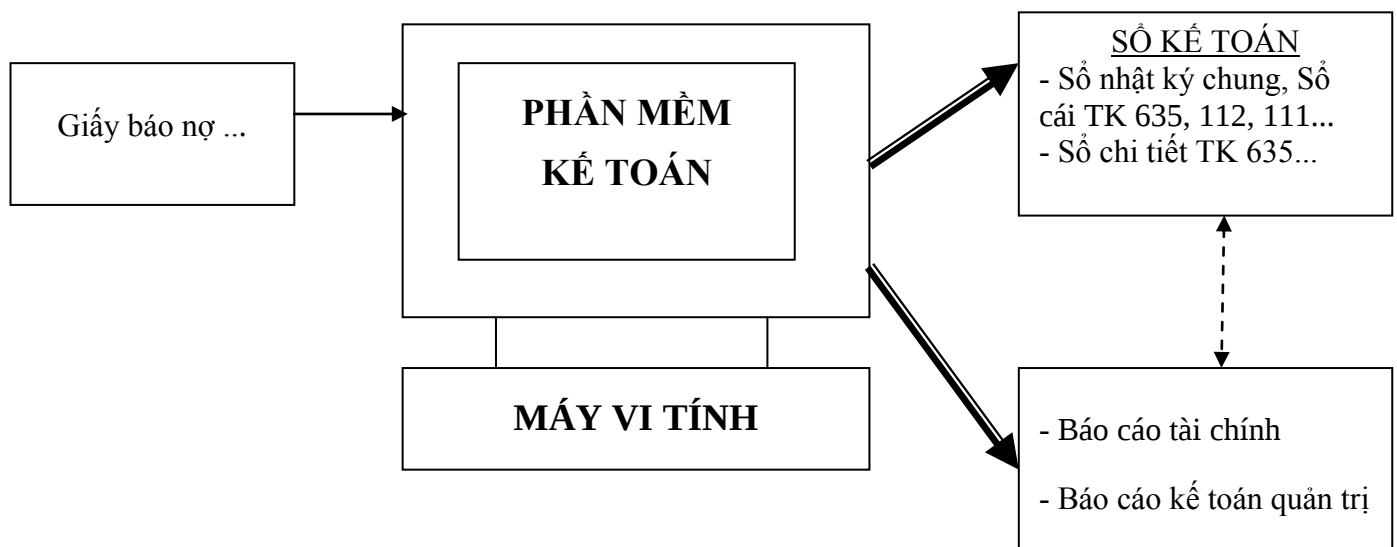
✓ Các tài khoản cấp 2:

- + TK 6352: Chi phí giao dịch mua bán chứng khoán
- + TK 6353: Chi phí lưu ký chứng khoán
- + TK 6355: Chi phí lãi vay ngân hàng
- + TK 6357: Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- + TK 6358: Chi phí đầu tư tài chính khác

❖ **Phương pháp hạch toán chi phí tài chính:**

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần

Bao bì Bể Sơn



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- <-----> Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 26/03, công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Bì
Sơn về lãi tiền vay phải trả T3/2010, số tiền 6.000.000 đ.

Biểu số 12: Giấy báo nợ của ngân hàng

26/03/2010

3:05:25

DDI429P

Chi nhánh: 424 CN BÌM SƠN - NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

PHIẾU BÁO GIAO DỊCH CHUYỂN KHOẢN TỰ ĐỘNG (AFT)

NH gửi lệnh: 424 CN BÌM SƠN - NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

NH nhận lệnh: 424 CN BÌM SƠN - NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Số giao dịch: DD2760

Ngày giờ lập: 26/03/2010

Loại sản phẩm: 41 TỰ ĐỘNG CHUYỂN SANG LN

Tag 20: Số tham chiếu giao dịch: 4

Tag 32A: Số tiền: **6.000.000** Loại tiền: VNĐ

Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu

Tag 50: K/H chuyển tiền: Công ty CP bao bì Bì Sơn

Số TK : 102010000380203

Tag 52A: NH ra lệnh : 424 CN BÌM SƠN - NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 57A: NH giữ TK : 424 CN BÌM SƠN - NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Tag 59 : Người thụ hưởng : Công ty CP bao bì Bì Sơn

Số tài khoản : 217110002061188

Tag 70 : Nội dung thanh toán: **Trả tiền lãi tháng 3/2010**

NH gửi lệnh ghi sổ ngày.....giờ.....	NH nhận lệnh ghi sổ ngày.....giờ.....
--------------------------------------	---------------------------------------

Giao dịch viên Kiểm soát viên	Giao dịch viên Kiểm soát viên
------------------------------------	------------------------------------

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào giấy báo nợ của ngân hàng Công thương Bim Sơn, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để nhập số liệu vào *Giấy báo nợ (chi)* của ngân hàng trên phần mềm kế toán máy. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635, sổ chi tiết TK 6355.

Màn hình giao diện giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Cong ty CP Bao bì Bim Sơn

Tro giúp

Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Mã đơn vị: _____ Số pc: 429/3

Loại phiếu chi: 4 Ngày ht: 26/03/2010

Mã khách: NH001 Ngân hàng công thương Bim Sơn Ngày lập pc: 26/03/2010

Địa chỉ: TX bim sơn MST TGGs: VND 1,00

Ng. nhận tiền: CT

Lý do chi: Trả lãi tiền vay

Tk có: 11211 Tiền VND gửi ngân hàng Công thương Bim Sơn ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	HD	Thuế suất	Thuế VND	Tt VND	Diễn giải	Mã TC	Số hđ
6355	Chi phí lãi vay Ngân hàng	6 000 000,0			0	6 000 000	Trả lãi tiền vay	1	

Chi phí lãi vay Ngân hàng Tiền hh, dv: 6 000 000

Số HD: _____ HD GTGT: 0 Tk thuế: _____ Tiền thuế: _____

Trạng thái: 1 0 - Chưa, 1 - Đã chuyển vào sổ cái Tổng TT: 6 000 000

Lưu Mới In chữ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

K_cctmp (c:\Nast05\its10.tmp\k_cctmp.dbf) Record: 1/1 Exclusive CAPS 21:19:11

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 13: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
24/03	UNC 13/3	Trả tiền mua các loại dầu			
		Phải trả người bán	3312	169.480.181	
		Tiền VNĐ gửi Ngân hàng công thương Bim Sơn	11211		169.480.181
24/03	HD 29028	Bán phế liệu các loại			
		Theo dõi tiền bán phế liệu, phế thải	3386	18.175.441	
		Doanh thu bán phế liệu	5113		18.175.441
		Theo dõi tiền bán phế liệu, phế thải	3386	1.817.544	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		1.817.544
25/03	PC 73/3	Thanh toán tiền ốm đau thai sản			
		Bảo hiểm xã hội	3383	44.214.500	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		44.214.500
25/03	PC 75/3	Thanh toán tiền đồ mực			
		Văn phòng phẩm	64221	900.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		900.000
.....					
26/03	UNC 429/3	Trả lãi tiền vay			
		Chi phí lãi vay ngân hàng	6355	6.000.000	
		Tiền VNĐ gửi Ngân hàng Công thương Bim Sơn	11211		6.000.000
26/03	HD 29032	Bán vỏ bao xi măng KPK			
		Phải thu của khách hàng	131	444.100.000	
		Doanh thu bán vỏ bao	5111		444.100.000
		Vỏ bao xi măng	6321	363.978.930	
		Vỏ bao xi măng	1552		363.978.930
		Phải thu của khách hàng	131	44.410.000	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		44.410.000
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14 : Sổ cái TK 635

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
26/03	UNC 429/3	Ngân hàng Công thương Bỉm Sơn	Lãi tiền vay tháng 3/2010	11211	6.000.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí tài chính 6355-> 9112	9112		6.000.000
			Tổng số phát sinh		6.000.000	6.000.000

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Biểu số 15: Sổ chi tiết TK 6355

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN**

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6355 - Chi phí lãi vay ngân hàng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
26/03	UNC 429/3	Ngân hàng Công thương Bim Sơn	Trả lãi tiền vay	11211	6.000.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí tài chính 6355->9112	9112		6.000.000
			Tổng số phát sinh		6.000.000	6.000.000

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 641 "Chi phí bán hàng"**

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí vận chuyển thuê ngoài
- + TK 6412 : Chi phí bốc xếp thuê ngoài
- + TK 6413 : Chi phí giới thiệu sản phẩm
- + TK 6414: Chi giao dịch tiếp thị sản phẩm
- + TK 6415: Chi tiếp khách tiếp thị sản phẩm
- + TK 6416: Chi hội nghị, giao lưu khách hàng

+ TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

➤ **TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"**

✓ Các TK cấp 2, cấp 3, cấp 4

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý

+ TK 64211: Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp

+ TK 64212: Bảo hiểm xã hội

+ TK 64213: Bảo hiểm y tế

+ TK 64214: Kinh phí công đoàn

+ TK 64215: Bảo hiểm thất nghiệp

+ TK 64216: Thù lao của hội đồng quản trị và ban kiểm soát

+ TK 64217: Tiền tàu xe đi phép

- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý

+ TK 64221: Văn phòng phẩm

+ TK 64222: Xăng, dầu xe khối quản lý

+ TK 64223: Vật liệu phụ tùng SCTX bộ máy quản lý

- TK 6423: Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng

+ TK 64231: Trang bị nội thất

+ TK 64232: Trang bị làm việc

+ TK 64233: Trang bị tin học

+ TK 64234: Trang bị đồ dùng nhà ăn ca

+ TK 64238: Trang bị khác

- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK 64241: Chi phí khấu hao của tài sản cố định

+ TK 64242: Chi phí trích trước sửa chữa lớn TSCĐ

- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí

+ TK 64251: Thuế

▪ TK 642511: Thuế môn bài

▪ TK 642512: Thuế nhà đất

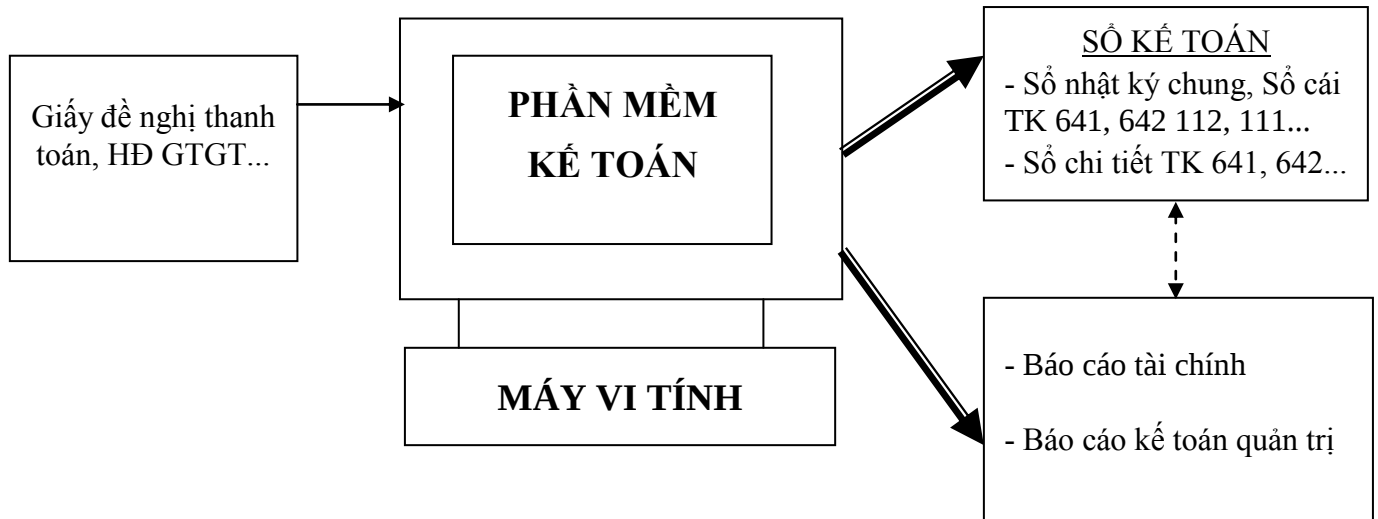
▪ TK 642513: Tiền thuê đất

▪ TK 642514: Thuế khác

- + TK 64252: Phí và lệ phí
 - TK 642521: Lệ phí giao thông
 - TK 642522: Phí ngân hàng
 - TK 642523: Phí khác
- TK 6426: Chi phí quản lý dự phòng
 - + TK 64261: Chi phí dự phòng phải thu khó đòi
 - + TK 64262: Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64271: Tiền điện, nước
 - + TK 64272: Tiền điện thoại, điện báo, fax, internet
 - + TK 64273: Bảo vệ thuê ngoài
 - + TK 64274: Thuê ngoài SCTX tài sản của bộ máy văn phòng
 - + TK 64275: Chi phí quảng cáo
 - + TK 64276: Chi phí mua bảo hiểm
 - + TK 64277: Phí tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao bí quyết về tiêu thụ sản phẩm
 - + TK 64278: Chi phí dịch vụ mua ngoài khác
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
 - + TK 64281: Chi phí hội nghị, tiếp khách
 - TK 642811: Chi hội nghị nội bộ
 - TK 642812: Chi hội nghị khách hàng
 - TK 642813: Chi tiếp khách
 - TK 642814: Chi giao dịch đối ngoại
 - + TK 64282: Vé tàu xe, máy bay đi công tác
 - + TK 64283: Phụ cấp đi công tác, thuê phòng nghỉ
 - + TK 64284: Chi phí bảo vệ quân sự, phòng cháy chữa cháy
 - + TK 64285: Chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên
 - + TK 64286: Chi mua sách nghiệp vụ, kỹ thuật
 - + TK 64287: Chi cho y tế phục vụ quản lý
 - + TK 64288: Các khoản chi khác

❖ ***Phương pháp hạch toán:***

Sơ đồ 2.9 : ***Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần Bao bì Bể Sơn***



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

❖ **Ví dụ minh họa về kế toán chi phí bán hàng:**

Ngày 24/03/2010, công ty thanh toán tiền thuê vận chuyển vỏ bao tháng 2/2010 cho Công ty TNHH Hương Tú bằng chuyển khoản, số tiền 16.561.700 đ (đã bao gồm VAT 10%).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0045973

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 2: Giao cho khách hàng) Ngày 20 tháng 03 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT- 3LL Kí hiệu: PC/2009B Số: 0045973		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hương Tú Địa chỉ: Khu 6 - P.Ba Đình - T.X Bim Sơn - Thanh Hóa Số tài khoản: 4656598 - Ngân hàng VP Bank Bim Sơn Điện thoại: MST: 28 01008364					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn Địa chỉ: Thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa Số TK: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MST: 2800508928					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	V/c vỏ Bim Sơn - Duyên Hà	Cái	330.000	28,773	9.495.000
02	V/c vỏ Bim Sơn - Hoàng Long	Cái	80.000	34,23	2.738.400
03	V/c vỏ B/Son - Hướng Dương	Cái	100.000	28,227	2.822.700
Cộng tiền hàng :					15.056.100
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		1.505.600
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.561.700
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm đồng chẵn					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào HĐGTGT số 0045973, kí hiệu PC/2009B, kế toán nhập số liệu vào phần mềm Fast theo các bước. Từ màn hình window, kích chọn biểu tượng phần mềm/ Khai báo tên người dùng và mật khẩu/ Kế toán vào phân hệ *kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để cập nhật số liệu cho *Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng*. Các số liệu sẽ tự động được chuyển vào sổ nhật ký chung, sổ cái TK 641, sổ chi tiết TK 6411.

Màn hình giao diện giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Cong ty CP Bao bì Bim Sơn

Tro giúp

Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng

Mã đơn vị: _____ Số pc: 25/3

Loại phiếu chi: 4 Ngày ht: 24/03/2010

Mã khách: CTY185 Công ty TNHH Hương Tú Ngày lập pc: 24/03/2010

Địa chỉ: P. Ba Đình - TX. Bim Sơn - Thanh Hoá MST: _____ TGS: VND 1.00

Ng. nhận tiền: HT

Lý do chi: Trả tiền vận chuyển vỏ bao xi măng

Tk có: 11211 Tiền VND gửi ngân hàng Công thương Bim Sơn ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

F4-Thêm dòng mới; F5-Tính tỷ giá ghi sổ; F8-Xóa dòng; Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	HĐ	Thuế suất	Thuế VND	Tt VND	Diễn giải	Mã TC	Số hđ	Số Seri	Ngày hđ
6411	Chi phí vận chuyển thuê ngoài	15 056 100	1	10,00	1 505 600	16 561 700	Trả tiền vận chuyển vỏ bao xi măng	1	45973	PC/2009B	20/03/2010

Tiền hh, dv: 15 056 100

Số HĐ: _____ HĐ GTGT: 1 Tk thuế: 13311 Tiền thuế: 1 505 600

Trạng thái: 1 0 - Chưa, 1 - Đã chuyển vào sổ cái Tổng TT: 16 561 700

Lưu Mới In chữ Sửa Xóa Xem In Quay ra

K_cctmp (c:\Vast05\ts10.tmp\k_cctmp.dbf) Record: 13/30 Exclusive CAPS 16:47:28 4:47 P

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để in ra ủy nhiệm chi 25/3, kế toán kích chọn "*In chứng từ*" → "*In*", khi đó ủy nhiệm chi sẽ hiện ra như sau:

Biểu số 17: Ủy nhiệm chi 25/3

CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN
Thị xã Bỉm sơn, tỉnh Thanh Hóa

Mẫu số: 01
Liên: 02

ỦY NHIỆM CHI

Số: 25/3

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN

Lập ngày : 24/03 /2010

Tên đơn vị trả tiền: Công ty CP Bao bì Bỉm Sơn

Số TK: 102010000380203

Tại ngân hàng: Ngân hàng Công thương Bỉm Sơn- tỉnh, TP Thanh Hóa

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Hương Tú

Số TK: 4656598

Tại ngân hàng: VP Bank - Bỉm Sơn - tỉnh, TP Thanh Hóa

**PHẦN DO NH GHI
TÀI KHOẢN NỢ**

TÀI KHOẢN CÓ

**Số tiền bằng số
16.561.700 VNĐ**

Số tiền bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Trả tiền vận chuyển vỏ bao xi măng

Đơn vị trả tiền	Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán trưởng Chủ tài khoản	Kế toán Trưởng phòng kế toán	Kế toán Trưởng phòng KT

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
05/03	PC 15/3	Thanh toán tiền tiếp khách			
		Chi tiếp khách TT sản phẩm	6415	2.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		2.000.000
		Chi giao dịch tiếp thị sản phẩm	6414	800.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		800.000
		Thuê GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	13311	200.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		200.000
05/03	UNC 1/3	Trả tiền mua hạt nhựa PP			
		Phải trả người bán	3312	3.000.000.000	
		Tiền gửi NH Sài Gòn Thương Tín - Bim Sơn	11216		3.000.000.000
.....					
24/03	UNC 24/3	Trả 90% tiền mua chỉ khâu			
		Phải trả cho người bán	3312	108.358.350	
		Tiền VNĐ gửi NH công thương	11211		108.358.350
24/03	UNC 25/3	Trả tiền vận chuyển vỏ bao xi măng T2/2010			
		Chi phí vận chuyển thuê ngoài	6411	15.056.100	
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng Công Thương Bim Sơn	11211		15.056.100
		Thuê GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	13311	1.505.600	
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng Công thương Bim Sơn	11211		1.505.600
24/03	UNC 42/3	Phí dịch vụ chuyển tiền ngày 24/03 (Ngân hàng công thương)			
		Phí ngân hàng	64252	84.740	
		Tiền VNĐ gửi ngân hàng công thương Bim Sơn	11211		84.740
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19: Sổ cái TK 641

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 641- Chi phí bán hàng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
05/03	PC 15/3	Đỗ Trọng Tuấn	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	2.000.000	
05/03	PC 15/3	Đỗ Trọng Tuấn	Thanh toán tiền chi phí giao dịch	1111	800.000	
15/03	PC 41/3	Đỗ Trọng Tuấn	Thanh toán tiền chi phí giao dịch	1111	1.875.000	
22/03	PC 65/3	Nguyễn Duy Dũng	Thanh toán tiền chi phí giao dịch	1111	5.200.000	
22/03	PC 65/3	Nguyễn Duy Dũng	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	10.560.000	
24/03	UNC 25/3	Công ty TNHH Hương Tú	Trả tiền vận chuyển vỏ bao tháng 2/2010	11211	15.056.100	
.....						
31/03	PKT	-	Kết chuyển CP bán hàng 6411->9111	9111		15.056.100
31/03	PKT	-	Kết chuyển CP bán hàng 6414->9111	9111		34.325.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển CP bán hàng 6415->9111	9111		14.510.000
			Tổng số phát sinh		63.891.100	63.891.100

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 20: Sổ chi tiết TK 6411

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản 6411 - Chi phí vận chuyển thuê ngoài
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
24/03	UNC 25/3	Công ty TNHH Hương Tú	Trả tiền vận chuyển vỏ bao xi măng tháng 2/2010	11211	15.056.100	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí bán hàng 6411->9111	9111		15.056.100
			Tổng số phát sinh		15.056.100	15.056.100

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ví dụ về chi phí quản lý doanh nghiệp: Ngày 16/03, công ty thanh toán tiền thuê vệ sĩ tháng 2/2010 bằng tiền mặt, số tiền 13.475.000 đ.

Biểu số 21: Hóa đơn giá trị gia tăng 0092077

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Kí hiệu: RQ/2009B			
(Liên 2: Giao cho khách hàng)		Số: 0092077			
Ngày 05 tháng 03 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần tập đoàn Võ đường Ngọc Hòa					
Địa chỉ: Ngõ 89, thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội					
Số tài khoản:					
Điện thoại:		MST: 0101394907			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn					
Địa chỉ: Phường Lam Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa					
Số TK:					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt		MST: 2800508928			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cung ứng vệ sĩ T2/2010		7	1.750.000	12.250.000
Cộng tiền hàng:					12.250.000
Thuế suất giá trị gia tăng: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		1.225.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					13.475.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 22: Đề nghị thanh toán

TỔNG CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BỈM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bỉm Sơn, ngày 06 tháng 03 năm 2010

**THANH TOÁN TIỀN THUÊ VỆ SỸ LÀM CÔNG TÁC BẢO VỆ AN
NING CÔNG TY THÁNG 2/2010**

Đơn vị: Công ty Cổ phần tập đoàn Võ đường Ngọc Hòa;

Thực hiện hợp đồng số 384/HĐ - BBBS, ngày 20 tháng 1 năm 2010 về việc:
Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ tại công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn;

Căn cứ vào biên bản nghiệm thu, đánh giá công tác bảo vệ, an ninh trật tự
tháng 2/2010;

Quyết toán tiền dịch vụ bảo vệ tháng 2/2010 cho công ty Cổ phần tập đoàn Võ
Đường Ngọc Hòa như sau:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/tháng)	Thành tiền(đồng)
1	Bảo vệ an ninh trật tự toàn công ty	Tháng 2	1	12.250.000	12.250.000
2	Thuế VAT				1.225.000
	Tổng cộng				13.475.000
Số tiền thanh toán là 13.475.000 (Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)					

GIÁM ĐỐC
Doãn Nam Khánh

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Mai Viết Dụng

T.P TCHC
Lê Trọng Kỳ

CB.Tiền lương
Trần Giang Nam

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0092077, kế toán vào phân hệ *Kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay* để lập *phiếu chi số 47/3* trên phần mềm kế toán máy.

Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt:

Cong ty CP Bao bì Bim Sơn

Trợ giúp

Phiếu chi tiền mặt

Mã đơn vị: _____ Số pc: 47/3

Loại phiếu chi: 4 Chi khác Ngày ht: 16/03/2010

Mã khách: CTY256 Cty CP tập đoàn vô đường Ngọc Hoà Ngày lập pc: 16/03/2010

Địa chỉ: Hà Nội MST: 0101394907 TGGG VND: 1,00

Ng. nhận tiền: Kim Ngọc Lương

Lý do chi: Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ T2/2010

Tk có: 1111 Tiền mặt Việt Nam ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	HĐ	Thuế suất	Thuế VND	Tt VND	Diễn giải
64273	Bảo vệ thuê ngoài	12 250 000	1	10,00	1 225 000	13 475 000	Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ T2/2010

Tiền hh, dv: 12 250 000

Số HĐ: _____ HĐ GTGT: _____ Tk thuế: 13311 Tiền thuế: 1 225 000

Trạng thái: 1 0 - Chưa, 1 - Chuyển vào sổ cái Tổng TT: 13 475 000

Lưu Mới In cũ Hủy bỏ Xóa Xem In Quay ra

K_cttmp (c:\Vast05\ts10.tmp\k_ ctmp.dbf) Record: 10/10 Exclusive CAPS 8:06:58

Biểu số 23: Phiếu chi 47/3

Đơn vị: Công ty CP Bao bì Bể sơn

Mẫu số: 02 - TT

Địa chỉ: Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

PHIẾU CHI

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Số : 47/3

Nợ TK : 64273, 13311

Có TK : 1111

Họ tên người nhận tiền : Kim Ngọc Lưỡng

Địa chỉ: Công ty CP tập đoàn Võ đường Ngọc Hòa - Hà Nội

Lý do chi: Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ tháng 2/2010

Số tiền: 13.475.000 (Viết bằng chữ): Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo 03 chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Giám đốc (Kí, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Kí, họ tên)	Thủ quỹ (Kí, họ tên)	Người lập phiếu (Kí, họ tên)	Người nhận tiền (Kí, họ tên)
Doãn Nam Khánh	Mai Viết Dụng	Phan Văn Chính	Mai Văn Nguyên	Kim Ngọc Lưỡng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : (Mười ba triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn).

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 642, sổ chi tiết TK 6427.

Biểu số 24: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
15/03	PC 33/3	Thanh toán tiền tiếp khách thương thảo giá vỏ bao			
		Chi hội nghị khách hàng	642812	9.997.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		9.997.000
15/03	PC 34/3	Tạm ứng mua máy vi tính			
		Tạm ứng	141	19.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		19.000.000
.....					
16/03	PC 46/3	Thanh toán tiền CP giao dịch			
		Chi giao dịch đối ngoại	642814	300.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		300.000
		Phụ cấp đi công tác, thuê phòng nghỉ	64283	700.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		700.000
16/03	PC 47/3	Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ tháng 2/2010			
		Bảo vệ thuê ngoài	64273	12.250.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		12.250.000
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	13311	1.225.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		1.225.000
16/03	PC 48/3	Thanh toán tiền hợp kiểm tra vật tư sản phẩm năm 2009			
		Chi hội nghị nội bộ	642811	6.700.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		6.700.000
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 25: Sổ cái tài khoản 642

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....						
16/03	PC 45/3	Trần Thị Lân	Thanh toán tiền chi phí giao dịch quý I/2010	1111	300.000	
16/03	PC 47/3	Cty CP DV bảo vệ Ngọc Hòa	Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ T2/2010	1111	12.250.000	
16/03	PC 48/3	Nguyễn Đình Huy	Thanh toán tiền hợp kiểm tra vật tư, sản phẩm năm 2009	1111	6.700.000	
.....						
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64211->9111	9111		647.705.064
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64212->9111	9111		19.599.887
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64213->9111	9111		3.674.979
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64214->9111	9111		9.639.647
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64215->9111	9111		1.224.993
31/03	PKT	-	K/C chi phí nhân viên quản lý 64217->9111	9111		2.140.000
31/03	PKT	-	K/C chi phí vật liệu quản lý 64221->9111	9111		13.037.000
31/03	PKT	-	K/C chi phí vật liệu quản lý 64222->9111	9111		7.301.317
31/03	PKT	-	K/C chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64232->9111	9111		367.044
31/03	PKT	-	K/C chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64233->9111	9111		16.945.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64234->9111	9111		2.275.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí khấu hao tài sản cố định 64241->9111	9111		51.160.627
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642521->9111	9111		3.735.500
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642522->9111	9111		5.585.709
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64272->9111	9111		9.484.541
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64273->9111	9111		12.250.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64278->9111	9111		17.229.204
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642811->9111	9111		21.190.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642812->9111	9111		14.997.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642813->9111	9111		27.954.636
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642814->9111	9111		6.800.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64282->9111	9111		520.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64283->9111	9111		12.347.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64284->9111	9111		590.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64285->9111	9111		2.000.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64286->9111	9111		1.050.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64288->9111	9111		7.300.000
			Tổng số phát sinh		918.404.148	918.404.148

Số dư cuối kỳ: 0
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 26: Sổ chi tiết TK 6427

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
02/03	PC 7/3	Trần Đình Tuấn	Thanh toán tiền mua hoa và khung giấy khen	1111	1.675.000	
05/03	PC 20/3	Trần Đình Tuấn	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh	1111	1.456.361	
08/03	PC 25/3	Vũ Mạnh Hùng	Thanh toán tiền mua máy điện thoại	1111	400.000	
08/03	PC 26/03	Trần Đình Tuấn	Thanh toán tiền đặt báo quý II/2010	1111	6.972.500	
11/03	PC 32/3	Tổng Hồng Quang	Thanh toán tiền mua hoa	1111	400.000	
15/03	PC 37/3	Trần Đình Tuấn	Thanh toán tiền chuyển phát nhanh tháng 2/2010	1111	629.997	
15/03	PKT 4/3	Đỗ Trọng Tuấn	Thanh toán tiền hỗ trợ điện thoại quý I/2010	141	300.000	
16/03	PC 47/3	Cty CP DV bảo vệ Ngọc Hòa VDNH	Thanh toán tiền cung ứng vệ sĩ tháng 2/2010	1111	12.250.000	
.....						
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64272->9111	9111		9.484.541
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64273->9111	9111		12.250.000
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 64278->9111	9111		17.229.204
			Tổng số phát sinh		38.963.745	38.963.745

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

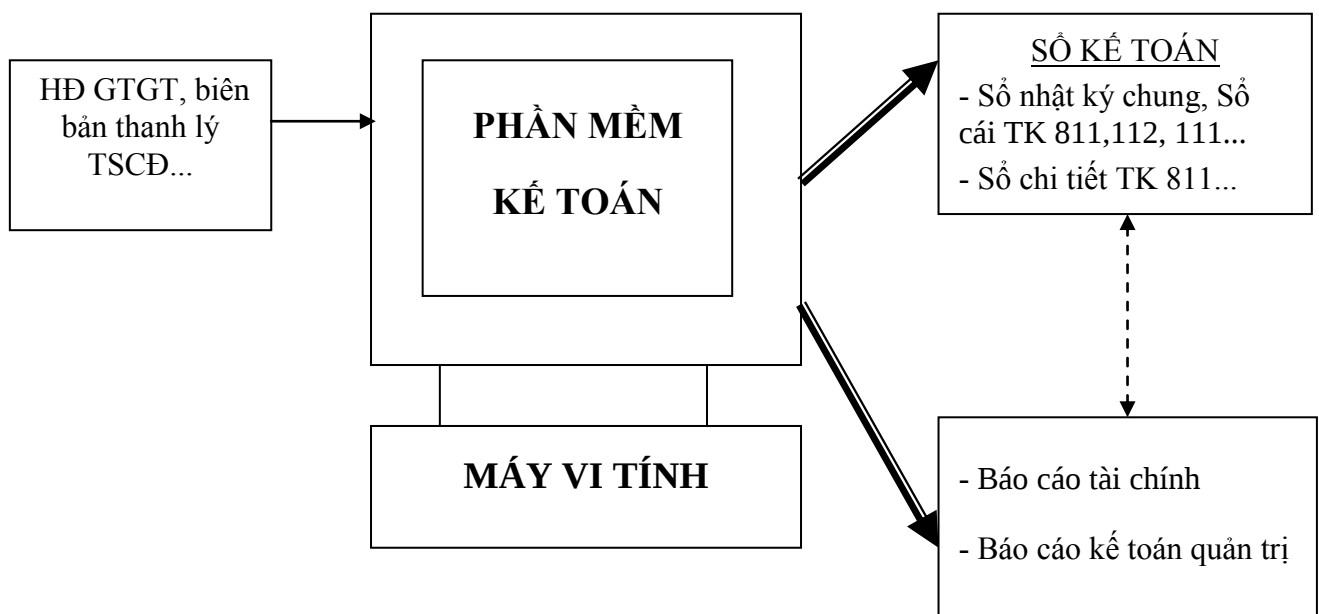
➤ **TK 811 "Chi phí khác"**

✓ Các TK cấp 2:

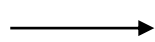
- + TK 8111: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- + TK 8112: Chênh lệch lỗ do đánh giá lại VT, HH, TSCĐ đưa đi góp vốn
- + TK 8113: Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- + TK 8114: Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- + TK 8118: Các khoản chi phí khác

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí khác tại công ty CP Bao bì Bể Sơn



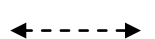
Ghi chú :



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

Trong tháng 3/2010, công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến khoản chi phí khác.

2.2.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

TK 821 "*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*"

✓ TK cấp 2:

+ TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 3334 "*Thuế thu nhập doanh nghiệp*"

Phương pháp hạch toán

Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả lãi lỗ. Cuối quý, kế toán vào phân hệ *Báo cáo tài chính* → *Báo cáo tài chính (QĐ 15/2006)* để lập *báo cáo kết quả kinh doanh* trên phần mềm kế toán máy. Kế toán sẽ lấy số liệu của chỉ tiêu "*tổng lợi nhuận kế toán trước thuế*" trên Báo cáo kết quả kinh doanh của mỗi quý, để tiến hành xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN bằng cách tính thủ công. Sau đó cập nhật số liệu vào *phiếu kế toán* xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển, phần mềm sẽ tự động chuyển sang các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821.

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuế} \\ \text{TNDN} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Tổng lợi} \\ \text{nhuận kế} \\ \text{toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thù} \\ \text{lao của thành} \\ \text{viên HĐQT} \\ \text{không trực} \\ \text{tiếp tham} \\ \text{gia vào điều} \\ \text{hành quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Cổ tức đầu} \\ \text{tư chứng} \\ \text{khoán} \\ \text{được nhận} \end{array} \right) \times 25\%$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 27: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2010

TỔNG CÔNG TY CN XI MĂNG VIỆT NAM

Mẫu số B02 - DN

CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010

Phần I - Lãi lỗ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	57.930.777.776	57.930.777.776
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. D.thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	10		57.930.777.776	57.930.777.776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	52.778.697.224	52.778.697.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và C/cấp D.vụ	20		5.152.080.552	5.152.080.552
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	17.828.079	17.828.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	6.268.328	6.268.328
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.000.000	6.000.000
8. Chi phí bán hàng	24		665.984.665	665.984.665
- Chi phí bán hàng	24A		665.984.665	665.984.665
- Chi phí chờ kết chuyển	24B			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.234.986.378	2.234.986.378
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	30		2.262.669.260	2.262.669.260
11. Thu nhập khác	31		222.554.112	222.554.112
12. Chi phí khác	32		67.154.200	67.154.200
13. Lợi nhuận khác	40		155.399.912	155.399.912
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.418.069.172	2.418.069.172
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	483.613.834	483.613.834
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.934.455.338	1.934.455.338
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Ngày...31..tháng.3.....năm 2010

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

 **Ví dụ minh họa:** Tại ngày 31/03/2010, công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý I/2010.

Tại quý I/2010, công ty vẫn đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Ngày 31/03/2010, kế toán lập Báo cáo kết quả kinh doanh của quý I/2010 trên phần mềm kế toán.

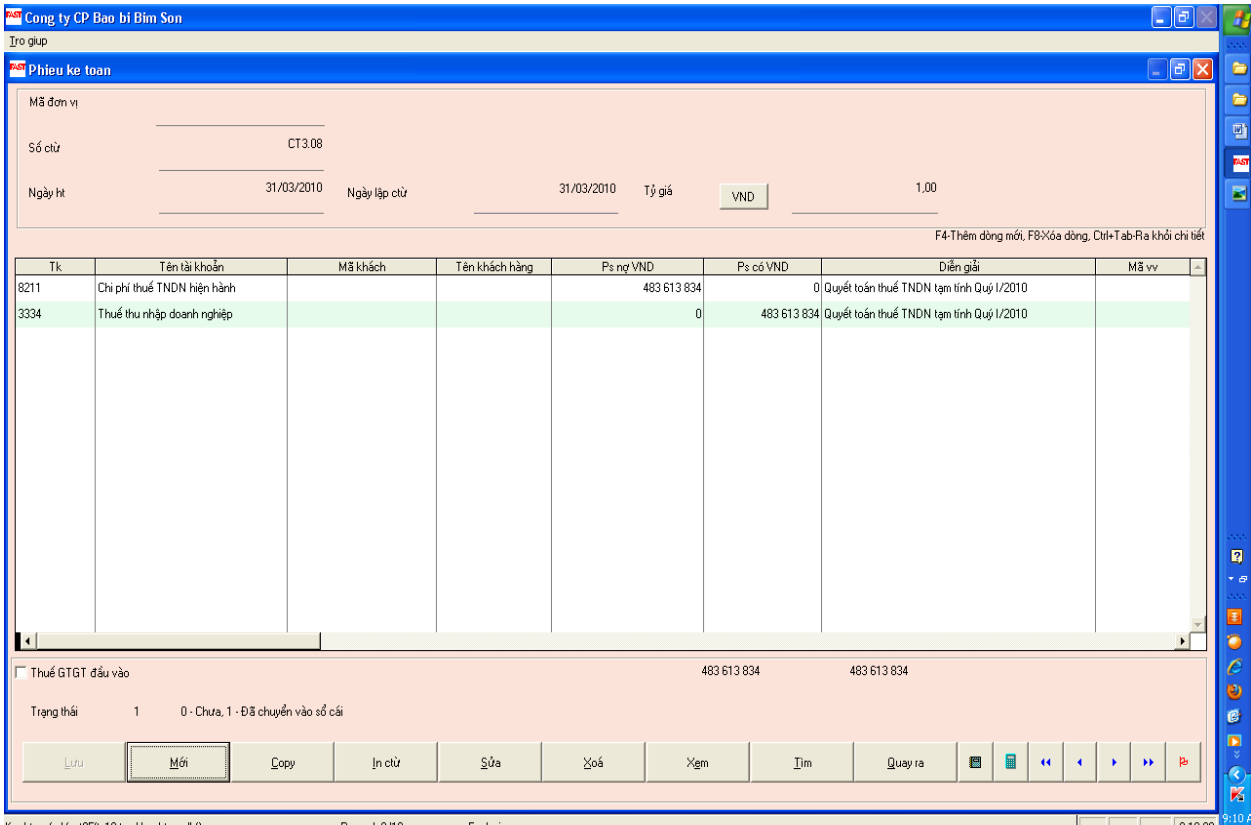
Căn cứ vào Báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2010 (*Biểu số 27*), tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bằng 2.418.069.172

Thuế TNDN phải nộp (Quý I) = $(2.418.069.172 + 0 + 0) \times 20\% = \mathbf{483.613.834}$

(Tại quý I chưa phát sinh chi phí thù lao của thành viên hội đồng quản trị và cổ tức đầu tư chứng khoán được nhận).

Sau khi tính được số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý I/2010, kế toán vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Phiếu kế toán* để lập một phiếu kế toán mới phản ánh nghiệp vụ quyết toán thuế TNDN tạm tính quý I/2010.

Màn hình giao diện phiếu kế toán CT3.08



The screenshot shows the 'Phiếu kế toán' (Tax Calculation Form) interface. The form includes fields for 'Mã đơn vị', 'Số chủ' (CT3.08), 'Ngày ht' (31/03/2010), 'Ngày lập chủ' (31/03/2010), 'Tỷ giá' (VND), and '1.00'. Below these fields is a table with columns: Tk, Tên tài khoản, Mã khách, Tên khách hàng, Ps nợ VND, Ps có VND, Diễn giải, and Mã vv. The table contains two rows: one for 'Chi phí thuế TNDN hiện hành' and another for 'Thuế thu nhập doanh nghiệp'. At the bottom, there are buttons for 'Lưu', 'Mới', 'Copy', 'In chủ', 'Sửa', 'Xóa', 'Xem', 'Tìm', 'Quay ra', and a 'Thuế GTGT đầu vào' section with a 'Trạng thái' dropdown.

Tk	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Diễn giải	Mã vv
8211	Chi phí thuế TNDN hiện hành			483 613 834	0	Quyết toán thuế TNDN tạm tính Quý I/2010	
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp			0	483 613 834	Quyết toán thuế TNDN tạm tính Quý I/2010	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 28: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/03	PKT CT3.07	Quyết toán thuế GTGT đầu vào được khấu trừ T3/2010			
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311	1.644.014.173	
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	13311		1.644.014.173
31/03	PKT CT3.08	Quyết toán thuế TNDN tạm tính quý I/2010			
		Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8211	483.613.834	
		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		483.613.834
.....					
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->9113			
		Kết quả từ hoạt động thu nhập khác	9113	483.613.834	
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		483.613.834
31/03	PKT	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác			
		Lãi năm nay	4212	483.613.834	
		Kết quả từ hoạt động TN khác	9113		483.613.834
31/03	PX 3.01	Xuất kho vải KP phục vụ sản xuất T3/2010 (Xưởng vải)			
		Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phân xưởng vò	6212	14.485.399.607	
		Vải trắng màng	1551		14.485.399.607
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 29: Sổ cái TK 821

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT CT3.08	-	Quyết toán thuế TNDN tạm tính quý I/2010	3334	483.613.834	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211->9113	9113		483.613.834
			Tổng số phát sinh		483.613.834	483.613.834

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:



Tài khoản sử dụng:

▪ TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 9111: Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- + TK 9112: Kết quả từ hoạt động tài chính
- + TK 9113: Kết quả từ hoạt động thu nhập khác

▪ TK 421: Lãi chưa phân phối

✓ Các TK cấp 2:

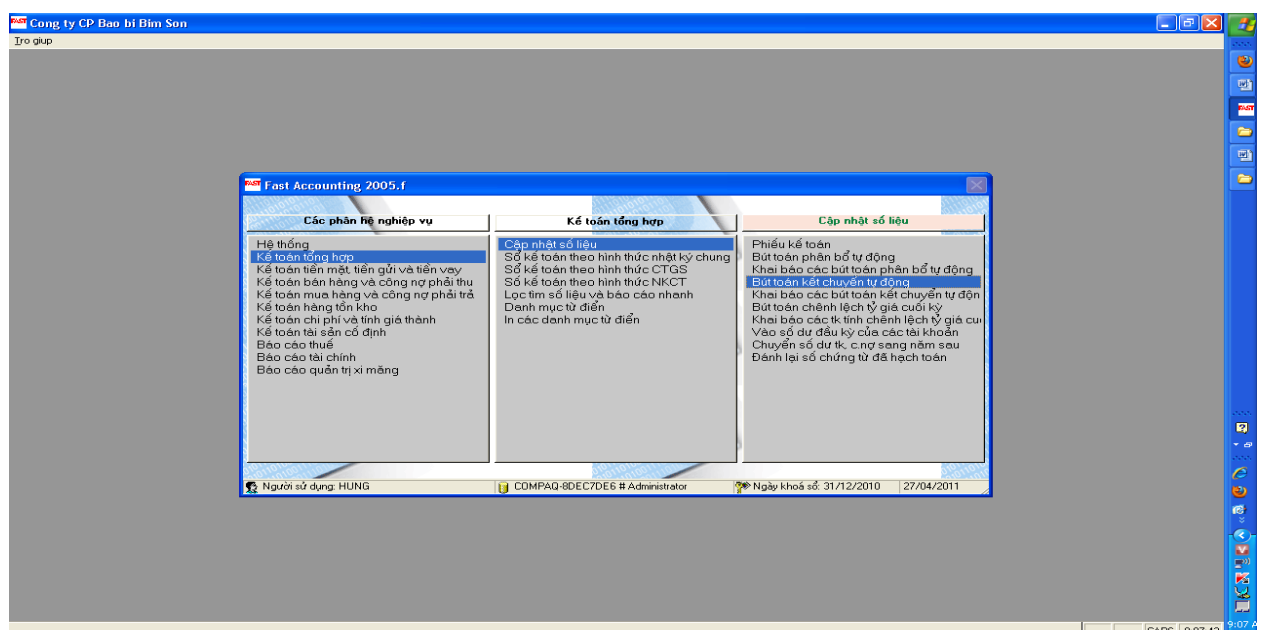
- + TK 4211: Lãi năm trước
- + TK 4212: Lãi năm nay

Tại công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo từng tháng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp vào phân hệ *kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động* để kết chuyển tổng số phát sinh trong tháng của các TK từ loại 5 đến loại 9, xác định kết quả lãi lỗ trong tháng.



Ví dụ minh họa: Ngày 31/03/2010, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn T3/2010.

Kế toán tổng hợp vào phân hệ *Kế toán tổng hợp* → *Cập nhật số liệu* → *Bút toán kết chuyển tự động*



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau đó, chọn năm kết chuyển : năm 2010 → Chọn toàn bộ bằng cách ấn Ctrl + A để đánh dấu các bút toán cần kết chuyển. Khi đó màn hình sẽ có giao diện như sau:

Cong ty CP Bao bì Bim Sơn

Tro giúp Table

Phím cách-Danh dau, F4-Tao cac bút toán KC, F8-Xoa cac bút toán da KC, Esc-Quay ra

Tag	Stt	Ten bt	Tk_no	Tk_co	Loai kc	Kc_vv_vn	Kc_ma_bph	Kc_ma_sp	So_ct01	So_ct02	So_ct03	So_ct04	So_ct05	So_ct06
x	1	Kết chuyển chiết khấu bán hàng	511	521	Co>No									
x	2	Kết chuyển Hàng bán bị trả lại	511	531	Co>No									
x	3	Kết chuyển giảm giá hàng bán	511	532	Co>No									
x	4	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	9111	No>Co									
x	5	Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ	512	9111	No>Co									
x	6	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	9112	No>Co									
x	7	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	1541	6211	Co>No									
x	8	Kết chuyển chi phí NVL trực tiếp	1542	6212	Co>No									
x	9	Kết chuyển chi phí NC trực tiếp	1541	6221	Co>No									
x	10	Kết chuyển chi phí NC trực tiếp	1542	6222	Co>No									
x	11	Kết chuyển chi phí phụ tùng cho SCT	1541	627211	Co>No									
x	12	Kết chuyển chi phí phụ tùng cho SCT	1542	627212	Co>No									
x	13	Kết chuyển chi phí vật liệu khác	1541	627221	Co>No									
x	14	Kết chuyển chi phí vật liệu khác	1542	627222	Co>No									
x	15	Kết chuyển chi phí CCDC	1541	627301	Co>No									
x	16	Kết chuyển chi phí CCDC	1542	627302	Co>No									
x	17	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	1541	6274101	Co>No									
x	18	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	1542	6274102	Co>No									
x	19	Kết chuyển chi phí trích trước SCL TSC	1541	6274201	Co>No									
x	20	Kết chuyển chi phí trích trước SCL TSC	1542	6274202	Co>No									
x	21	Kết chuyển giá vốn hàng bán	9111	632	Co>No									
x	22	Kết chuyển chi phí tài chính	9112	635	Co>No									
x	23	Kết chuyển chi phí bán hàng	9111	641	Co>No									
x	24	Kết chuyển chi phí nhân viên QL	9111	6421	Co>No									
x	25	Kết chuyển chi phí vật liệu QL	9111	6422	Co>No									
x	26	Kết chuyển chi phí dụng cụ, đồ dùng	9111	6423	Co>No									
x	27	Kết chuyển chi phí KHTSCĐ	9111	6424	Co>No									
x	28	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64251	Co>No									
x	29	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64252	Co>No									
x	30	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	6426	Co>No									
x	31	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	6427	Co>No									
x	32	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64281	Co>No									
x	33	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64282	Co>No									
x	34	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64283	Co>No									
x	35	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64284	Co>No									
x	36	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64285	Co>No									
x	37	Kết chuyển chi phí quản lý	9111	64286	Co>No									

M_dmkc (e:\ketoan\fast-ketoan\cod\dmkc.dbf) Record: 343/347 Record Unlocked 9:33 AM

Nhấn F4 để chọn tháng cần kết chuyển: T3

Cong ty CP Bao bì Bim Sơn

Tro giúp

Phím cách-Danh dau, F4-Tao cac bút toán KC, F8-Xoa cac bút toán da KC, Esc-Quay ra

Tag	Stt	Ten bt	Tk_no	Tk_co	Loai kc	Kc_vv_vn	Kc_ma_bph	Kc_ma_sp	So_ct01	So_ct02	So_ct03	So_ct04	So_ct05	So_ct06
x	1	Kết chuyển chiết khấu b	511	521	Co>No									
x	2	Kết chuyển Hàng bán bị	511	531	Co>No									
x	3	Kết chuyển giảm giá hàn	511	532	Co>No									
x	4	Kết chuyển doanh thu b	511	9111	No>Co									
x	5	Kết chuyển doanh thu b	512	9111	No>Co									
x	6	Kết chuyển doanh thu h	515	9112	No>Co									
x	7	Kết chuyển chi phí NVL	1541	6211	Co>No									
x	8	Kết chuyển chi phí NVL	1542	6212	Co>No									
x	9	Kết chuyển chi phí NC	1541	6221	Co>No									
x	10	Kết chuyển chi phí NC	1542	6222	Co>No									
x	11	Kết chuyển chi phí phụ	1541	627211	Co>No									
x	12	Kết chuyển chi phí phụ	1542	627212	Co>No									
x	13	Kết chuyển chi phí vật	1541	627221	Co>No									
x	14	Kết chuyển chi phí vật	1542	627222	Co>No									
x	15	Kết chuyển chi phí CCDC	1541	627301	Co>No									
x	16	Kết chuyển chi phí CCDC	1542	627302	Co>No									
x	17	Kết chuyển chi phí KHT	1541	6274101	Co>No									
x	18	Kết chuyển chi phí KHT	1542	6274102	Co>No									
x	19	Kết chuyển chi phí trích	1541	6274201	Co>No									
x	20	Kết chuyển chi phí trích	1542	6274202	Co>No									
x	21	Kết chuyển giá vốn hàng	9111	632	Co>No									
x	22	Kết chuyển chi phí tài	9112	635	Co>No									
x	23	Kết chuyển chi phí bán	9111	641	Co>No									
x	24	Kết chuyển chi phí nhân	9111	6421	Co>No									
x	25	Kết chuyển chi phí vật	9111	6422	Co>No									
x	26	Kết chuyển chi phí dụng	9111	6423	Co>No									
x	27	Kết chuyển chi phí KHT	9111	6424	Co>No									
x	28	Kết chuyển chi phí quản	9111	64251	Co>No									
x	29	Kết chuyển chi phí quản	9111	64252	Co>No									
x	30	Kết chuyển chi phí quản	9111	6426	Co>No									
x	31	Kết chuyển chi phí quản	9111	6427	Co>No									
x	32	Kết chuyển chi phí quản	9111	64281	Co>No									
x	33	Kết chuyển chi phí quản	9111	64282	Co>No									
x	34	Kết chuyển chi phí quản	9111	64283	Co>No									
x	35	Kết chuyển chi phí quản	9111	64284	Co>No									
x	36	Kết chuyển chi phí quản	9111	64285	Co>No									
x	37	Kết chuyển chi phí quản	9111	64286	Co>No									

M_dmkc (c:\fast05\ts10\mp\dmkc\mp.dbf) Record: 1/58 Record Unlocked CAPS 20:13:44

Bút toán kết chuyển tự động

Kết chuyển từ kỳ: 3 01/03/2010

Đến kỳ: 3 31/03/2010

Nhận Hủy bỏ

Sau khi chương trình đã thực hiện xong, các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 911, Sổ cái TK 421.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 30: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
31/03	PKT CT3.07	Quyết toán thuế GTGT đầu vào được khấu trừ T3/2010			
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311	1.644.014.173	
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	13311		1.644.014.173
31/03	PKT CT3.08	Quyết toán thuế TNDN tạm tính quý I/2010			
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211	483.613.834	
		Thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		483.613.834
.....					
31/03	PKT	K/C doanh thu bán hàng			
		Doanh thu bán vỏ bao	5111	26.931.443.651	
		Kết quả từ HĐ SXKD	9111		26.931.443.651
		Doanh thu bán phế liệu	5113	178.850.097	
		Kết quả từ HĐ SXKD	9111		178.850.097
31/03	PKT	K/C DT hoạt động tài chính			
		Lãi tiền gửi ngân hàng	5152	3.720.021	
		Kết quả từ hoạt động tài chính	9112		3.720.021
31/03	PKT	K/C giá vốn hàng bán			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	24.264.506.194	
		Vỏ bao xi măng	6321		24.264.506.194
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí tài chính			
		Kết quả từ hoạt động tài chính	9112	6.000.000	
		Chi phí lãi vay ngân hàng	6355		6.000.000
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí bán hàng			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	15.056.100	
		CP vận chuyển thuê ngoài	6411		15.056.100
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	34.325.000	
		Chi giao dịch tiếp thị sản phẩm	6414		34.325.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	14.510.000	
		Chi tiếp khách tiếp thị sản phẩm	6415		14.510.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 6421			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	647.705.064	
		Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	64211		647.705.064
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	19.599.887	
		Bảo hiểm xã hội	64212		19.599.887
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	3.674.979	
		Bảo hiểm y tế	64213		3.674.979
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	9.639.647	
		Kinh phí công đoàn	64214		9.639.647
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	1.224.993	
		Bảo hiểm thất nghiệp	64215		1.224.993
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	2.140.000	
		Tiền tàu xe đi phép	64217		2.140.000
31/03	PKT	K/C chi phí vật liệu quản lý			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	13.037.000	
		Văn phòng phẩm	64221		13.037.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	7.301.317	
		Xăng, dầu xe khối quản lý	64222		7.301.317
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	367.044	
		Trang bị làm việc	64232		367.044
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	16.945.000	
		Trang bị tin học	64233		16.945.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	2.275.000	
		Trang bị đồ dùng nhà ăn ca	64234		2.275.000
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí khấu hao tài sản cố định			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	51.160.627	
		Chi phí khấu hao của TSCĐ	64241		51.160.627
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý			
		Kết quả từ HĐ SXKD	9111	3.735.500	
		Lệ phí giao thông	642521		3.735.500
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	5.585.709	
		Phí ngân hàng	642522		5.585.709
31/03	PKT	Kết chuyển chi phí quản lý			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	9.484.541	
		Tiền điện thoại, điện báo, Fax, Internet	64272		9.484.541
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	12.250.000	
		Bảo vệ thuê ngoài	64273		12.250.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	17.229.204	
		CP dịch vụ mua ngoài khác	64278		17.229.204

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64281			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	21.190.000	
		Chi hội nghị nội bộ	642811		21.190.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	14.997.000	
		Chi hội nghị khách hàng	642812		14.997.000
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	27.954.636	
		Chi tiếp khách	642813		27.954.636
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	6.800.000	
		Chi giao dịch đối ngoại	642814		6.800.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64282			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	520.000	
		Vé tàu xe, máy bay đi công tác	64282		520.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64283			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	12.347.000	
		Phụ cấp đi công tác, thuê phòng nghỉ	64283		12.347.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64284			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	590.000	
		Chi phí bảo vệ quân sự, phòng cháy chữa cháy	64284		590.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64285			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	2.000.000	
		Chi phí đào tạo CBCNV	64285		2.000.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64286			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	1.050.000	
		Chi mua sách nghiệp vụ, kỹ thuật	64286		1.050.000
31/03	PKT	K/C chi phí quản lý 64288			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	7.300.000	
		Các khoản chi khác	64288		7.300.000
31/03	PKT	K/C lợi nhuận HĐ SXKD			
		Kết quả từ hoạt động SXKD	9111	1.863.492.306	
		Lãi năm nay	4212		1.863.492.306
31/03	PKT	K/C l/nhuận hoạt động TC			
		Lãi năm nay	4212	2.279.979	
		Kết quả từ hoạt động TC	9112		2.279.979
31/03	PKT	K/C chi phí thuế TNDN			
		Kết quả từ hoạt động TN khác	9113	483.613.834	
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	8211		483.613.834
31/03	PKT	K/C lợi nhuận HĐ khác			
		Lãi năm nay	4212	483.613.834	
		Kết quả từ hoạt động TN khác	9113		483.613.834
					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 31: Sổ cái TK 911

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5111 ->9111	5111		26.931.443.651
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5113->9111	5113		178.850.097
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 5152->9112	5152		3.720.021
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí tài chính 6355->9112	6355	6.000.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí bán hàng 6411->9111	6411	15.056.100	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí bán hàng 6414->9111	6414	34.325.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí bán hàng 6415->9111	6415	14.510.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->9111	6321	24.264.506.194	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí thuế TNDN 8211 ->9113	8211	483.613.834	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64211->9111	64211	647.705.064	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64212->9111	64212	19.599.887	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64213->9111	64213	3.674.979	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64214->9111	64214	9.639.647	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64215->9111	64215	1.224.993	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí nhân viên quản lý 64217->9111	64217	2.140.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí vật liệu quản lý 64221 ->9111	64221	13.037.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí vật liệu quản lý 64222->9111	64222	7.301.317	
31/03	PKT	-	K/C chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64232->9111	64232	367.044	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT	-	K/C chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64233->9111	64233	16.945.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng 64234->9111	64234	2.275.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí khấu hao tài sản cố định 64241->9111	64241	51.160.627	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642521->9111	642521	3.735.500	
31/03	PKT	-	Kết chuyển chi phí quản lý 642522->9111	642522	5.585.709	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64272->9111	64272	9.484.541	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64273->9111	64273	12.250.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64278->9111	64278	17.229.204	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 642811->9111	642811	21.190.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 642812->9111	642812	14.997.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 642813->9111	642813	27.954.636	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 642814->9111	642814	6.800.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64282->9111	64282	520.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64283->9111	64283	12.347.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64284->9111	64284	590.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64285->9111	64285	2.000.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64286->9111	64286	1.050.000	
31/03	PKT	-	K/C chi phí QL 64288->9111	64288	7.300.000	
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận HĐ SXKD (Lãi) 9111->4212	4212	1.863.492.306	
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động TC (Lỗ) 9112->4212	4212		2.279.979
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác (Lỗ) 9113->4212	4212		483.613.834
			Tổng số phát sinh		27.599.907.582	27.599.907.582

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 32: Sổ cái TK 421

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 15.209.810.110

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh (Lãi) 9111->4212	9111		1.863.492.306
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động tài chính (Lỗ) 9112 -> 4212	9112	2.279.979	
31/03	PKT	-	Kết chuyển lợi nhuận hoạt động khác (Lỗ) 9113 -> 4212	9113	483.613.834	
			Tổng số phát sinh		485.893.813	1.863.492.306

Số dư cuối kỳ : 16.587.408.603

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BỈM SƠN

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn:

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Bao bì Bỉm Sơn, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.
- Về nhân sự, bộ phận kế toán có sáu người gồm một kế toán trưởng và năm kế toán viên rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ đại học trở lên) giúp cho công tác kế toán tại công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.
- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, ngoài ra nó còn là hình thức phù hợp nhất và được sử dụng nhiều nhất cho các phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Công ty sử dụng đầy đủ các loại sổ sách từ chi tiết cho đến tổng hợp:

- Sổ chi tiết doanh thu theo dõi riêng biệt cho ba loại doanh thu như doanh thu bán vỏ bao, doanh thu bán phế liệu và doanh thu bán thành phẩm khác.
- Tương ứng với sổ chi tiết về doanh thu là các sổ chi tiết về giá vốn, sổ chi tiết của các loại chi phí được theo dõi riêng biệt.
- Ngoài ra, kế toán còn mở các sổ chi tiết khác như sổ chi tiết thành phẩm cho từng thành phẩm, giúp theo dõi cụ thể từng danh mục thành phẩm của công ty, sổ chi tiết công nợ cho từng đối tượng khách hàng giúp theo dõi việc thanh toán, chi trả của khách hàng trở nên dễ dàng thuận tiện hơn.
- Các bảng tổng hợp và sổ cái tài khoản được phản ánh một cách đầy đủ, khoa học, đảm bảo được yêu cầu về đối chiếu, kiểm tra từ đó tránh được những sai sót trong quá trình hạch toán.

❖ *Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty*

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Cuối quý, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc. Vì thế, kết quả về hoạt động kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.1.3. Về ứng dụng công nghệ thông tin:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức kế toán, công ty đã mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán FAST do Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST cung cấp. Phần mềm kế toán FAST có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình có hiệu quả. Khi sử dụng phần mềm này, kế toán chỉ việc cập nhật các số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách, báo cáo kế toán. Ngoài ra, phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều phục vụ tối đa công tác quản trị điều hành. Việc sử dụng phần mềm kế toán đã đem lại những lợi ích thiết thực trong tổ chức kế toán tại công ty nói chung cũng như tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng như giúp tiết kiệm thời gian, giảm bớt được đáng kể khối lượng công việc so với kế toán ghi sổ nhưng vẫn đảm bảo tính chính xác trong tính toán.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bể Sơn còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1. Về việc chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.2. Về tài khoản sử dụng:

Hiện nay, công ty đã mở tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3 cho tài khoản 642 để theo dõi một cách chi tiết hơn chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Trong đó, công ty đã mở **TK 64271** để phản ánh tiền điện nước phát sinh trong kỳ. Nhưng trong thực tế, công ty chưa sử dụng tài khoản này. Đối với "**chi phí nước**", công ty vẫn được Công ty cổ phần Xi măng Bim Sơn cung cấp miễn phí. Còn chi phí điện năng phát sinh trong kỳ phục vụ cho hoạt động sản xuất hay liên quan đến quản lý doanh nghiệp, kế toán đều phản ánh vào **TK 62776 - "Chi phí điện năng"**. Điều này thể hiện nội dung chi phí chưa đúng với tài khoản mà công ty đã sử dụng.

3.1.2.3. Về hạch toán hàng bán bị trả lại:

Công ty không sử dụng TK 531 để phản ánh doanh thu của sản phẩm, hàng hóa bị trả lại, mà hạch toán nghiệp vụ này bằng cách ghi âm doanh thu của sản phẩm hàng hóa bị trả lại ở *bên có TK 511* và ghi âm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bị trả lại vào *bên nợ TK 632*. Cách hạch toán này không đúng với chế độ kế toán quy định.

Cụ thể, khi phát sinh nghiệp vụ này, kế toán vào phân hệ *Kế toán bán hàng và công nợ phải thu* → *Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho* để cập nhật số liệu. Kế toán phản ánh:

a/ Phản ánh doanh thu hàng bán bị trả lại

Nợ TK 131 (Ghi âm)

Có TK 511 (Ghi âm)

Có TK 3331 (Ghi âm)

b/ Phản ánh giá vốn hàng bán bị trả lại

Nợ TK 632 (Ghi âm)

Có TK 155 (Ghi âm)

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn:**3.2.1. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:**

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn:

3.2.2.1. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:

Là một công ty có uy tín lớn trên thị trường, thường xuyên có những hợp đồng lớn, công ty đang không ngừng phát triển. Tuy nhiên trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Chiết khấu thanh toán cho người mua hàng là khoản tiền mà khách hàng được hưởng do khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận khi mua để thúc đẩy khách hàng thanh toán tiền hàng sớm, tránh bị chiếm dụng vốn kinh doanh.

➤ **Tỷ lệ chiết khấu:**

Khi xây dựng *tỷ lệ chiết khấu*, công ty cần chú ý một số điểm sau:

+ Tỷ lệ chiết khấu không nên quá lớn ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp và cũng không quá nhỏ khiến nó không thể phát huy tác dụng khuyến khích khách hàng.

+ Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ có ảnh hưởng tích cực đến tốc độ thu tiền với các khoản phải thu, nhưng nó sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét rằng chi phí đầu tư khoản phải thu có đủ bù đắp được thiệt hại cho việc giảm lợi nhuận hay không ?

➤ **Tài khoản sử dụng:**

TK 635 - " Chi phí tài chính "

Tài khoản cấp 2: TK 6351 - "*Chiết khấu thanh toán cho khách hàng*"

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 6351 - "*Chiết khấu thanh toán cho khách hàng*"

Nợ TK 6351 - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có các TK 131, 111, 112, ..

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí tài chính sang tài khoản 9112

Nợ TK 9112 - Kết quả từ hoạt động tài chính

Có TK 6351 - Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/03/2010, công ty bán cho công ty TNHH Quang Vinh một lô vỏ bao KPK theo HĐ GTGT số 0029042 với tổng giá thanh toán là 68.640.000 đ (VAT 10%). Thời hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế là 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa. Nhưng Công ty TNHH Quang Vinh thanh toán trước hạn 15 ngày. Trong trường hợp này, công ty nên cho Công ty TNHH Quang Vinh được hưởng khoản chiết khấu do thanh toán sớm. Theo ví dụ minh họa này, công ty nên áp dụng tỷ lệ chiết khấu 1% tức là $68.640.000 \times 1\% = 686.400$ đ

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 6351: 686.400

Có TK 131: 686.400

3.2.2.2. Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng:

Công ty vẫn nên sử dụng **TK 64271** để phản ánh tiền điện nước của khối phòng ban. Tuy nhiên, công ty phải tách được chi phí điện nước phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp và chi phí điện nước phục vụ cho sản xuất để có thể sử dụng tài khoản đúng với nghiệp vụ phát sinh trong kỳ, đảm bảo phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

3.2.2.3. Giải pháp về hạch toán hàng bán bị trả lại:

Công ty nên sử dụng **TK 531 - "Hàng bán bị trả lại"** để phản ánh doanh thu hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán, thay vì hạch toán bên Có TK 511(ghi âm).

➤ Phương pháp hạch toán:

- Phản ánh giá vốn hàng bán bị trả lại

Nợ TK 155, 156:

Có TK 632:

- Phản ánh doanh thu hàng bán bị trả lại

Nợ TK 531 - Hàng bán bị trả lại (Giá bán chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại)

Có các TK 111, 112, 131, . . .

- Cuối kỳ hạch toán, kết chuyển toàn bộ doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ vào tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 531 - Hàng bán bị trả lại.

➤ **Ví dụ minh họa:**

Ngày 19/03/2010, công ty xi măng Nghi Sơn trả lại lô vỏ bao 001, 002 bị rách vỡ (Theo HĐ GTGT 33718), số lượng 12 cái. Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn đã nhập lại số vỏ bao này vào kho.

Căn cứ vào HĐ GTGT 33718, kế toán vào phân hệ *kế toán bán hàng và công nợ phải thu* → *Cập nhật số liệu* → *Phiếu nhập hàng bán bị trả lại* để nhập số liệu. Kích chọn "**Nhập theo giá trung bình cho vật tư tính giá trung bình**" để cuối tháng tính giá trung bình, chương trình sẽ tự động cập nhật giá vốn cho vỏ bao xi măng KPK trong phiếu nhập hàng bán bị trả lại. Theo chương trình của phần mềm, số liệu sẽ tự động chuyển vào các sổ sách có liên quan.

Màn hình giao diện Phiếu nhập hàng bán bị trả lại

Phiếu nhập hàng bán bị trả lại

Mã khách: CTY190 Công ty xi măng Nghi sơn Số pn: 01

Địa chỉ: Xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, Thanh Hoá MST: 2800464741-1 Ngày ht: 19/03/2010

Ng. giao hàng: Ngày lập pn: 19/03/2010

Diễn giải: Hàng bán bị trả lại Tỷ giá: VND 1.00

Mã nx (tk có): 131 BPKD

Số hđ: 33718 Số seri: AK/2009B Ngày hđ: 19/03/2010 Ghi chú:

Nhóm hàng:

☒ Nhập theo giá TB cho VT tính giá TB F4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem HĐ, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vv	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND	Tk hbl	Giá vốn VND	Tiền vốn VND	Tk kho	Tk gv
TP002	Vỏ bao xi măng KPK	Cái	KHO5		12.00	4 441.0000	53 292 531		3 662,8241	43 954	1552	6321

Số lượng: 12.00 Tiền vốn: 43 954

Tiền hàng: 53 292

Mã thuế: 10 10.00% Tk thuế: 33311 / 131 Tiền thuế: 5 329

Trạng thái: 1 0 - Chưa, 1 - Chuyển vào sổ cái Tổng TT: 58 621

Sửa HT thuế ☐

Sửa tiền thuế ☐

Lưu Mới In chữ Hủy bỏ Xóa Xem In Quay ra

K_ottmp (c:\Vast05\ts10.tmp\k_ottmp.dbf) Record: 2/2 Exclusive CAPS | 0.07:36 12:07

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 33: Sổ nhật ký chung

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....					
19/03	PC 64/3	Thanh toán tiền ăn ca T2/2010			
		Chi phí ăn ca	62785	62.720.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		62.720.000
19/03	HĐ 29023	Bán phế liệu các loại			
		Theo dõi tiền bán phế liệu, phế thải	3386	17.483.426	
		Doanh thu bán phế liệu	5113		17.483.426
		Theo dõi tiền bán phế liệu, phế thải	3386	1.748.374	
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311		1.748.374
19/03	HĐ 33718	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô 001,002			
		Hàng bán bị trả lại	531	53.292	
		Phải thu khách hàng	131		53.292
		Vỏ bao xi măng	1552	43.954	
		Vỏ bao xi măng	6321		43.954
		Thuế GTGT đầu ra phải nộp	33311	5.329	
		Phải thu khách hàng	131		5.329
.....					
22/03	PT 29/3	Hoàn ứng (Nguyễn Duy Dũng)			
		Tiền mặt Việt Nam	1111	10.000.000	
		Tạm ứng	141		10.000.000
22/03	PC 66/3	Tạm ứng (Hoàng Quốc Bảo)			
		Tạm ứng	141	5.000.000	
		Tiền mặt Việt Nam	1111		5.000.000
.....					
		Tổng cộng SPS		267.240.188.966	267.240.188.966

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 34: Sổ cái TK 531

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
19/03	HD 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Xử lý vỏ bao rách vỡ lô 001, 002	131	53.292	
31/03	PKT	-	Kết chuyển DT hàng bán bị trả lại 531->5111	5111		53.292
			Tổng số phát sinh		53.292	53.292

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 35: Sổ cái TK 511

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BỈM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....						
26/03	HĐ 29030	Công ty cổ phần Tiến Long	Bán phế liệu các loại	3386		18.113.620
26/03	HĐ 29032	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		444.100.000
.....						
31/03	HĐ 29038	C/Nhánh Cty TNHH Duyên Hà	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		1.254.000.000
31/03	HĐ 29040	Công ty CP VLXD Bỉm Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	131		724.360.000
.....						
31/03	PKT	-	K/C DT hàng bán bị trả lại 531->5111	531	53.292	
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5111->9111	9111	26.931.443.651	
31/03	PKT	-	Kết chuyển doanh thu bán hàng 5113->9111	9111	178.850.097	
			Tổng số phát sinh		27.110.347.040	27.110.347.040

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 36: Sổ cái TK 632

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP BAO BÌ BÌM SƠN

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/03/2010 đến ngày 31/03/2010

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....						
19/03	HĐ 33718	Công ty xi măng Nghi Sơn	Nhập kho hàng bán bị trả lại	1552		43.954
.....						
26/03	HĐ 29032	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
29/03	HĐ 29033	Công ty xi măng Nghi Sơn	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
29/03	HĐ 29034	Công ty Cổ phần xi măng Hương Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	727.957.860	
30/03	HĐ 29035	Công ty Cổ phần xi măng Hương Dương	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	363.978.930	
.....						
31/03	HĐ 29048	Công ty CP xi măng Hoàng Mai	Bán vỏ bao xi măng KPK	1552	1.164.732.576	
31/03	PKT	-	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->9111	9111		24.264.506.194
			Tổng số phát sinh		24.264.550.148	24.264.550.148

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Hòa cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Hằng

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Quản trị tài chính doanh nghiệp - TS Võ Đăng Nam
- 4/ Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng - Nhà xuất bản thống kê
- 5/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2010 của Công ty cổ phần Bao bì Bim Sơn
- 6/ Khóa luận của các khóa 8, 9 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
3	KH TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
5	TK	Tài khoản
6	SP, VT	Sản phẩm, vật tư
7	HH	Hàng hóa
8	Công ty CP Bao bì Bim Sơn	Công ty Cổ phần Bao bì Bim Sơn
9	XDCB	Xây dựng cơ bản
10	BDS	Bất động sản
11	VP	Văn phòng
12	CCDC	Công cụ dụng cụ
13	CN	Chi nhánh
14	VLXD	Vật liệu xây dựng
15	ĐT & PT	Đầu tư và phát triển
16	SCTX	Sửa chữa thường xuyên
17	VNĐ	Việt Nam đồng
18	CP	Chi phí
19	CP SXKD	Chi phí sản xuất kinh doanh